

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

ĐỖ THỊ MINH HẰNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VẬN DỤNG KỸ THUẬT PHÒNG TRANH TRONG DẠY HỌC
MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

Mã sinh viên: 2552020396

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, (2025)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

ĐỖ THỊ MINH HẰNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VẬN DỤNG KỸ THUẬT PHÒNG TRANH TRONG DẠY HỌC
MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

Mã sinh viên: 2552020396

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mỹ

NINH BÌNH, (2025)

LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn và kính trọng sâu sắc tới ThS. Nguyễn Thị Mỹ - Giảng viên Trường PTTHSP Tràng An – người đã tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận này. Cô đã mở ra cho em những kiến thức, những vấn đề khoa học thiết thực và bổ ích. Đồng thời tạo điều kiện và định hướng cho em học tập và nghiên cứu những vấn đề về phương pháp dạy học.

Em cũng xin thể hiện sự kính trọng và lòng biết ơn đến quý thầy cô giáo tại trường Đại học Hoa Lư, các thầy cô giáo trong khoa Sư phạm Tiểu học – Mầm non, Ban Giám hiệu, đã tạo điều kiện giúp đỡ em thực hiện và hoàn thành khóa luận này.

Trong quá trình nghiên cứu, không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Kính mong được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

Sinh viên

Đỗ Thị Minh Hằng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “*Vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3*” là kết quả nghiên cứu của riêng tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên Nguyễn Thị Mỹ - Thạc sĩ của trường Sư phạm Trung học, Trường Đại học Hoa Lư.

Trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành bài khóa luận, tôi đã tham khảo và trích dẫn đầy đủ từ các nguồn tài liệu tham khảo đáng tin cậy. Các kết quả trình bày trong bài khóa luận đều đảm bảo tính trung thực và được thực hiện nghiêm túc.

Nếu có bất kỳ sai sót nào trong quá trình thực hiện, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp nhận mọi hình thức kỷ luật mà bộ môn và nhà trường đã đề ra.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

Sinh viên

Đỗ Thị Minh Hằng

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHÓA LUẬN

Đề tài “*Vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3*” là công trình nghiên cứu của sinh viên Đỗ Thị Minh Hằng. Kết quả nghiên cứu của đề tài có ý nghĩa thực tiễn và chưa công bố trong bất kì công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

Người hướng dẫn

Th.sĩ Nguyễn Thị Mỹ

BẢNG CÁC KÍ HIỆU, CHỮ CÁI VIẾT TẮT

GDPT	Giáo dục phổ thông
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
KTDH	Kỹ thuật dạy học
KTPT	Kỹ thuật phòng tranh
NXB	Nhà xuất bản
SGK	Sách giáo khoa
TN&XH	Tự nhiên và Xã hội

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nội dung chương trình môn học TN&XH	14
Bảng 1.2. Phẩm chất và năng lực phát triển cho học sinh qua “kỹ thuật phòng tranh”	25
Bảng 1.3. Tần suất sử dụng “kỹ thuật phòng tranh” trong từng hoạt động dạy học.....	26
Bảng 1.4. Mức độ khả thi khi sử dụng “kỹ thuật phòng tranh” trong dạy học các chủ đề trong môn Tự nhiên và Xã hội 3	26
Bảng 1.5. Những khó khăn khi sử dụng “kỹ thuật phòng tranh” trong dạy học	26
Bảng 1.6. Mức độ hứng thú của học sinh khi giáo viên vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực nói chung và kỹ thuật phòng tranh vào dạy học môn Tự nhiên và Xã hội	31
Bảng 2.1. Thống kê các bài học được lựa chọn để vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học.....	37

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1.1. Mức độ nhận biết của giáo viên về “kỹ thuật phòng tranh”	24
Biểu đồ 1.2. Khái niệm về “kỹ thuật phòng tranh”	24
Biểu đồ 1.3. Mức độ hiểu biết về quy trình tổ chức dạy học theo “kỹ thuật phòng tranh”	25
Biểu đồ 1.4. Mức độ sử dụng “kỹ thuật phòng tranh” trong dạy học	27

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	3
2.1. Nghiên cứu trên thế giới	3
2.2. Nghiên cứu ở Việt Nam.....	5
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	7
3.1. Mục đích.....	7
3.2. Nhiệm vụ	7
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	8
4.1. Đối tượng nghiên cứu	8
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	8
5. Phương pháp nghiên cứu	8
5.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận.....	8
5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn	8
5.3. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học	9
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	9
6.1. Ý nghĩa khoa học.....	9
6.2. Ý nghĩa thực tiễn	9
NỘI DUNG	10
CHƯƠNG 1.....	10
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI.....	10
1.1. Cơ sở lý luận	10
1.1.1. Một số vấn đề lý luận về kỹ thuật dạy học tích cực	10
1.1.2. Kỹ thuật phòng tranh trong dạy học.....	11
1.2. Khái quát môn Tự nhiên và Xã hội 3	13
1.2.1. Đặc điểm môn học	13
1.2.2. Quan điểm xây dựng chương trình	13
1.2.3. Mục tiêu chương trình.....	14
1.2.4. Nội dung chương trình	14

1.2.5. Khả năng vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3	19
1.2.6. Thời lượng chương trình	20
1.3. Đặc điểm tâm sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học	20
1.3.1. Những đặc điểm thể chất và hoạt động chính của trẻ	20
1.3.2. Đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học	21
1.4. Cơ sở thực tiễn	22
1.4.1. Khái quát về quá trình điều tra	22
1.4.2. Kết quả điều tra	23
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	33
CHƯƠNG 2.....	34
VẬN DỤNG KỸ THUẬT PHÒNG TRANH TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3.....	34
2.1. Nguyên tắc vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học ở tiểu học	34
2.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu bài học	34
2.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức	34
2.2.3. Nguyên tắc đảm bảo phát huy tính tích cực của học sinh... ..	35
2.2.4. Nguyên tắc phù hợp với điều kiện thực tế và linh hoạt tổ chức	35
2.2. Quy trình vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3	36
2.1.1. Quy trình.....	36
2.2.2. Ví dụ minh họa	38
2.3. Vận dụng kỹ thuật phòng tranh để tổ chức dạy học chủ đề “Gia đình” và chủ đề “Trường học”, môn Tự nhiên và Xã hội 3	43
2.3.1. Lựa chọn bài trong chủ đề “Gia đình” và chủ đề “Trường học”, môn Tự nhiên và Xã hội 3	43
2.3.2. Vận dụng quy trình kỹ thuật phòng tranh để tổ chức dạy học một số nội dung trong chủ đề “Gia đình” và chủ đề “Trường học”	45
2.3.3. Lưu ý sư phạm khi vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3	80

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	83
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO	86
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thế kỷ XXI đánh dấu sự phát triển vượt bậc của khoa học và công nghệ. Sự ra đời liên tiếp của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức, tạo ra nhiều cơ hội lớn cho sự phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho người học. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra không ít thách thức, đặc biệt đối với những quốc gia đang phát triển và kém phát triển. Trong bối cảnh đó, để hướng tới sự phát triển bền vững, nhiều quốc gia đã chú trọng đến việc cải cách giáo dục như một giải pháp chiến lược nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuẩn bị cho thế hệ tương lai một nền tảng tri thức vững vàng cùng khả năng thích ứng linh hoạt trước những biến động không ngừng của xã hội. Đổi mới giáo dục vì thế đã trở thành một xu thế tất yếu mang tính toàn cầu [1].

Hòa nhịp vào cuộc cách mạng 4.0 của toàn nhân loại, đất nước ta cũng đang trong thời kì đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Công cuộc đổi mới này cũng đã và đang đặt ra cho ngành giáo dục và đào tạo nhiệm vụ to lớn và hết sức nặng nề, đó là tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc đổi mới giáo dục nói chung và đổi mới chương trình giáo dục phổ thông nói riêng đã được thể hiện rõ trong nhiều văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội và Chính phủ như: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 ; Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015; chỉ thị số 16/CT-TTg ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 3/8/2021; Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Chiến lược phát triển giáo dục 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045 (ban hành kèm Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022); Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2023 của Chính phủ. Các văn bản, chỉ thị và nghị quyết của Đảng, Nhà nước đều xác định mục tiêu trọng tâm là chuyển từ nền giáo dục thiên về truyền thụ kiến thức sang mô hình giáo dục phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học; đổi mới toàn diện phương pháp giảng dạy, khuyến khích giáo viên chủ động áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp với từng

môn học, từng cấp học; xây dựng môi trường học tập thân thiện, kích thích tư duy sáng tạo và tự chủ học tập của học sinh [2].

Trong chương trình Tiểu học, môn TN&XH là một môn học gần gũi với HS Tiểu học, với các chủ đề liên quan đến cuộc sống thực tiễn xung quanh như: gia đình, trường học, thực vật và động vật, con người và sức khỏe, trái đất và bầu trời. Môn học nhằm giúp học sinh bước đầu khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh một cách trực quan, sinh động. Bên cạnh đó, môn TN&XH còn góp phần hình thành và phát triển năm phẩm chất cơ bản như: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm và các năng lực chung như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cũng như các năng lực đặc thù là: năng lực nhận thức khoa học, năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội và cuối cùng là năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người, xã hội; ngoài ra môn học này còn coi trọng việc tổ chức cho HS được trải nghiệm thực tế, tạo cho HS cơ hội tìm hiểu, khám phá thế giới TN&XH xung quanh; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn, học cách ứng xử phù hợp với TN&XH [3].

Môn Tự nhiên và Xã hội 3 không chỉ mang đến kiến thức cơ bản về thế giới tự nhiên, xã hội và môi trường mà còn giúp hình thành tư duy khoa học, khả năng hợp tác và giải quyết vấn đề cho các em. Bên cạnh đó, môn học này còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành những phẩm chất, năng lực của con người [4]. Để HS tiếp thu được những kiến thức về tự nhiên, xã hội một cách chủ động, đòi hỏi GV phải tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú để HS tham gia một cách tích cực. HS phải được hoạt động, được thể hiện mình và được phát triển tư duy thông qua các hoạt động học tập cụ thể. Để thực hiện được điều đó, trong quá trình dạy học GV phải vận dụng một cách khéo léo, linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để học sinh phát huy tính tích cực trong nhận thức như kỹ thuật trạm, kỹ thuật mảnh ghép, trò chơi học tập, phòng tranh, khăn trải bàn... Trong đó, kỹ thuật phòng tranh là một trong những KTDH tích cực, tạo cơ hội cho các em được quan sát, suy ngẫm, và thể hiện suy nghĩ thông qua hình ảnh và thảo luận nhóm, từ đó kích thích hứng thú học tập. Khi học sinh tham gia vào quá

trình tạo ra các sản phẩm (vẽ tranh, vẽ sơ đồ tư duy, hoàn thành phiếu học tập...), các em có cơ hội thể hiện sự sáng tạo của mình. Ngoài ra, phương pháp này còn rèn luyện thói quen tự tìm hiểu và mở rộng kiến thức ngoài SGK. Việc học sinh tự mình tạo sản phẩm học tập và trình bày ý tưởng giúp giáo viên có cái nhìn đa chiều về năng lực của từng em. Thông qua đó, GV không chỉ đánh giá được kiến thức mà còn đánh giá được kỹ năng mềm và thái độ học tập của học sinh.

Từ những lí do nêu trên, tôi đã lựa chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp là: “***Vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3***” nhằm đáp ứng mục tiêu và phương pháp dạy học chương trình giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu trên thế giới

Kỹ thuật phòng tranh xuất hiện và phát triển từ những thập niên cuối thế kỷ 20. Phương pháp này được hình thành cùng với sự chuyển biến từ mô hình dạy học truyền thống sang các phương pháp dạy học tích cực và lấy người học làm trung tâm. Các nước phát triển như Mỹ, Anh, Canada, và nhiều quốc gia khác đã nhanh chóng đón nhận và đưa kỹ thuật này vào hệ thống giáo dục, đặc biệt là trong bối cảnh giáo dục STEM và các môn xã hội.

Các nghiên cứu của Schwartz & Bransford (2018) và Dewey (2020) [33] nhấn mạnh rằng việc khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động trưng bày và thảo luận nhóm sẽ thúc đẩy sự sáng tạo, tương tác và tự học.

Theo McGregor (2015): “*Kỹ thuật này không những khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động ngoại khoá mà còn kích thích sự tò mò và óc sáng tạo khi học sinh tiếp cận vấn đề từ nhiều góc nhìn khác nhau*” [35].

Theo nghiên cứu của Beck (2011) đã triển khai kỹ thuật phòng tranh trong giảng dạy Lịch sử và Giáo dục công dân ở trung học tại Hoa Kỳ. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng kỹ thuật phòng tranh tạo ra một môi trường học tập hợp tác, nơi học sinh được di chuyển, tương tác với nội dung và phản hồi ý tưởng của bạn bè. Điều này giúp học sinh không chỉ nắm vững kiến thức mà còn phát triển kỹ năng trình bày, tư duy lịch sử và kỹ năng xã hội [36, tr.84-87].

Trong cuốn sách chuyên sâu về học tập hợp tác, Spencer Kagan (2009) đã phân tích kỹ thuật phòng tranh như một công cụ hỗ trợ học tập hợp tác hiệu quả. Ông chỉ ra rằng khi sử dụng kỹ thuật phòng tranh góp phần thúc đẩy sự tham gia tích cực, mang đến cơ hội cho học sinh trình bày ý tưởng cá nhân, học hỏi lẫn nhau và tạo môi trường an toàn để phát triển tư duy sáng tạo [37].

Tác giả Chabeli, M. M. (2006), nghiên cứu việc sử dụng các phương pháp học tích cực – trong đó có kỹ thuật phòng tranh – để phát triển năng lực tư duy bậc cao cho học sinh tại Nam Phi. Trong nghiên cứu của mình, ông đã chỉ ra rằng kỹ thuật phòng tranh là kỹ thuật hiệu quả giúp học sinh phân tích, so sánh, đánh giá và đưa ra quyết định, từ đó hình thành năng lực phản biện và sáng tạo [38, tr.78-86].

Trong công trình nghiên cứu của Francek (2006) đã áp dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học khoa học ở bậc đại học. Tác giả cho rằng phương pháp này tạo cơ hội cho sinh viên được “di chuyển, phản hồi và học hỏi từ nhau”, từ đó tăng cường năng lực thảo luận, phản biện và ghi nhớ kiến thức. Kết quả cho thấy sinh viên trở nên chủ động hơn trong việc tìm hiểu nội dung bài học và có hứng thú hơn với các chủ đề khoa học trừu tượng [39, tr.27-31].

Theo Brookfield & Preskill (2005), kỹ thuật phòng tranh tạo điều kiện cho học sinh làm việc theo nhóm, quan sát các sản phẩm của nhóm mình, và đưa ra đánh giá, qua đó rèn luyện khả năng hợp tác và tư duy phân tích [40].

Theo nghiên cứu của Silberman (1996), kỹ thuật phòng tranh được giới thiệu như một trong những kỹ thuật dạy học tích cực. Theo ông, khi sử dụng kỹ thuật phòng tranh vào tổ chức hoạt động dạy học có thể giúp học sinh di chuyển quanh lớp để tiếp cận, phân tích và phản hồi các ý tưởng được trình bày trên các tờ giấy lớn dán trên tường. Tác giả nhấn mạnh hiệu quả của kỹ thuật phòng tranh trong việc thúc đẩy tư duy phản biện, giao tiếp tích cực và làm việc nhóm trong môi trường học tập năng động [41].

Vào những năm cuối thập niên 1980 và đầu thập niên 1990, kỹ thuật phòng tranh đã được giới thiệu trong các diễn đàn giáo dục tại Hoa Kỳ. Mục tiêu của việc này là cải thiện phương pháp giảng dạy, hướng tới việc khuyến khích người học chủ động tiếp thu kiến thức. Năm 1996, David Johnson và Roger Johnson,

đến từ Đại học Minnesota, đã nghiên cứu các kỹ thuật học tập hợp tác. Trong đó, kỹ thuật phòng tranh đã được đánh giá cao bởi khả năng nâng cao tương tác nhóm và thúc đẩy học sinh trao đổi ý kiến [42].

2.2. Nghiên cứu ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, giảng viên và giáo viên phổ thông. Kỹ thuật phòng tranh (Gallery Walk) – một kỹ thuật dạy học tích cực – được nhiều công trình nghiên cứu đánh giá là phù hợp và hiệu quả khi áp dụng trong dạy học ở tiểu học nói chung và môn Tự nhiên và Xã hội nói riêng.

Tiến sĩ Đỗ Thị Lan (2022) trong đề tài “*Kết hợp kỹ thuật phòng tranh với công nghệ trong giảng dạy*” đã mở rộng hướng tiếp cận bằng cách tích hợp công nghệ thông tin vào kỹ thuật phòng tranh. Cụ thể, tác giả áp dụng mã QR, các ứng dụng tương tác trực tuyến, giúp học sinh truy cập nội dung học phong phú hơn và làm cho việc “tham quan” các sản phẩm học tập trở nên sinh động, hấp dẫn. Nghiên cứu này cho thấy việc kết hợp công nghệ làm tăng tính tương tác, hiệu quả truyền đạt và tạo động lực học tập rõ rệt cho học sinh (Đỗ Thị Lan, 2022) [11.tr.15-18].

Nghiên cứu của tác giả Trần Thị Minh Tâm (2021) với đề tài “*Vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2*” tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tác giả đã tiến hành thiết kế các bài giảng sử dụng kỹ thuật phòng tranh và tổ chức dạy thực nghiệm trong một số lớp học. Kết quả cho thấy học sinh hứng thú hơn với hoạt động học, chủ động thảo luận, và hiểu bài sâu hơn so với phương pháp truyền thống. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu dừng lại ở lớp 2 và chưa phân tích sâu về mức độ phát triển năng lực học sinh [12].

Trần Thị Thu Hà (2021) trong nghiên cứu “*Sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong giảng dạy môn Lịch sử*” đã tập trung làm rõ vai trò của kỹ thuật này trong việc giúp học sinh tiếp cận các nội dung lịch sử phức tạp như bản đồ, chuỗi sự kiện. Học sinh được phân nhóm, thực hiện nhiệm vụ, trình bày sản phẩm dưới dạng triển lãm – giúp các em không chỉ nâng cao khả năng tìm tòi, tự học, mà còn

rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp và làm việc nhóm. Qua đó, môn Lịch sử trở nên hấp dẫn và dễ tiếp thu hơn đối với học sinh (Trần Thị Thu Hà, 2021) [13].

Trên Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 221 (2021), tác giả Nguyễn Văn Nam với bài báo *“Kỹ thuật phòng tranh – một công cụ phát huy tư duy sáng tạo cho học sinh tiểu học”*. Tác giả đã khẳng định việc áp dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học các môn khoa học ở tiểu học không những giúp học sinh tiếp thu kiến thức dễ dàng hơn mà còn tạo điều kiện để các em thể hiện quan điểm cá nhân, phát triển năng lực thẩm mỹ và khả năng hợp tác tích cực [14, tr.34-36].

Tác giả Lê Thị Huyền (2020) trong luận văn *“Sử dụng kỹ thuật phòng tranh nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 4 môn Khoa học”* đã chứng minh rằng học sinh khi tham gia các hoạt động trưng bày và trao đổi sản phẩm học tập có sự tiến bộ rõ rệt về kỹ năng thuyết trình, lắng nghe, phản hồi và làm việc nhóm. Tuy nhiên, nghiên cứu tập trung vào phát triển năng lực giao tiếp và chưa đánh giá tổng thể các năng lực khác như quan sát, tìm hiểu tự nhiên – vốn rất quan trọng trong môn Tự nhiên và Xã hội [15].

Nguyễn Thị Thanh Mai (2019) trong luận văn thạc sĩ *“Sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong môn Toán lớp 2”* đã chứng minh rằng kỹ thuật phòng tranh giúp học sinh ghi nhớ kiến thức tốt hơn, phát triển sự tự tin khi thể hiện ý kiến cá nhân và tăng cường kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm. Bằng việc tổ chức các hoạt động trình bày bài toán dưới dạng tranh ảnh, học sinh được tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực và sáng tạo hơn (Nguyễn Thị Thanh Mai, 2019) [16].

Tiến sĩ Nguyễn Thị Hương (2018) với luận án *“Ứng dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học tích cực cho học sinh tiểu học”* đã tập trung nghiên cứu về tác động của kỹ thuật phòng tranh đối với hiệu quả học tập của học sinh. Tác giả tiến hành khảo sát và phân tích sự thay đổi trong thái độ học tập, mức độ tham gia và động lực học tập của học sinh khi áp dụng kỹ thuật này. Kết quả cho thấy học sinh thể hiện sự hứng thú rõ rệt với bài học, tích cực hơn trong hoạt động nhóm và chủ động trong trao đổi ý kiến (Nguyễn Thị Hương, 2018) [17].

Theo Nguyễn Hữu Long (2018), kỹ thuật phòng tranh là một trong những hình thức tổ chức hoạt động học tập mang tính sáng tạo, giúp học sinh được “học

bằng làm”, phát huy tính chủ động, sáng tạo và khả năng giao tiếp, hợp tác thông qua việc thiết kế, trình bày, và thảo luận về các sản phẩm học tập của nhóm trong môi trường lớp học được tổ chức như một “phòng trưng bày” kiến thức [18].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam đều khẳng định tính hiệu quả của kỹ thuật phòng tranh trong việc tạo ra môi trường học tập tích cực, phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực giao tiếp, hợp tác của học sinh. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào các môn học như Toán, Lịch sử ở bậc trung học và bậc đại học, ở bậc Tiểu học mới tập trung vào nghiên cứu sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Khoa học lớp 4, Tự nhiên và Xã hội lớp 2 hoặc nghiên cứu tổng quát về dạy học tích cực. Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 theo Chương trình GDPT 2018 vẫn còn khá khiêm tốn. Trên cơ sở kế thừa những định hướng, thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước, đề tài tập trung nghiên cứu vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, góp phần thực hiện mục tiêu chương trình GDPT mới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3 nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3.

3.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học.
- Nghiên cứu thực trạng của việc vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở một số trường Tiểu học trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình.
- Xác định nguyên tắc và quy trình thiết kế hoạt động học tập trong môn Tự nhiên và Xã hội 3 theo kỹ thuật phòng tranh.
- Vận dụng kỹ thuật phòng tranh để thiết kế các hoạt động học tập một số bài trong chủ đề “Gia đình” và chủ đề “Trường học” trong môn Tự nhiên và Xã hội 3.
- Đề xuất một số lưu ý sư phạm khi sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu: Vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học chủ đề “Gia đình”, chủ đề “Trường học”, môn Tự nhiên và Xã hội 3, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

- Phạm vi điều tra thực trạng: Cán bộ, giáo viên và học sinh một số trường tiểu học trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình.

- Phạm vi thời gian: Từ tháng 11/2024 – tháng 5/2025.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

- Khái quát các văn bản Nghị quyết của Đảng, Chính phủ, Bộ Giáo dục và đào tạo về đổi mới giáo dục, phương pháp/ kỹ thuật dạy học tích cực.

- Tổng hợp các nghiên cứu về kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.

- Nghiên cứu chương trình, SGK để xác định yêu cầu cần đạt và nội dung trong 02 chủ đề “Gia đình” và “Trường học”, môn Tự nhiên và Xã hội 3.

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp điều tra: Tiến hành điều tra, khảo sát, thăm dò ý kiến của các cán bộ, giáo viên tiểu học bằng các hình thức như: phát phiếu hỏi hoặc trả lời thông tin trên link google form để tìm hiểu về thực trạng vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội. Điều tra học sinh bằng phiếu hỏi hoặc phỏng vấn trực tiếp về mức độ hứng thú của HS khi được giáo viên sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội.

- Phương pháp đàm thoại: Trực tiếp trao đổi, phỏng vấn, trò chuyện với giáo viên, học sinh tiểu học để tìm hiểu tìm hiểu, thu thập thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

5.3. Phương pháp xử lí số liệu bằng thống kê toán học

- Sử dụng phần mềm Excel để xử lí số liệu, vẽ biểu đồ, lập bảng so sánh ... để phân tích kết quả nghiên cứu.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần làm rõ cơ sở lý luận về việc vận dụng kỹ thuật phòng tranh – một trong những kỹ thuật dạy học tích cực – trong quá trình tổ chức hoạt động học môn Tự nhiên và Xã hội 3. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng các hoạt động học hiệu quả, phù hợp với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo định hướng Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đề tài cũng góp phần hệ thống hóa và bổ sung tư liệu khoa học cho nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học ở bậc Tiểu học.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài có thể được ứng dụng trong thực tiễn giảng dạy tại các trường tiểu học nhằm đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học, đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên và sinh viên sư phạm trong việc tổ chức các hoạt động học tập tích cực.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Một số vấn đề lý luận về kỹ thuật dạy học tích cực

a, Khái niệm kỹ thuật dạy học và kỹ thuật dạy học tích cực

Kỹ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống/hoạt động nhằm thực hiện giải quyết một nhiệm vụ/nội dung cụ thể của bài học. Chẳng hạn: kỹ thuật dạy học 321, kỹ thuật dạy học mảnh ghép, kỹ thuật dạy học khăn trải bàn, kỹ thuật dạy học KWLH, kỹ thuật dạy học theo Trạm,... Như vậy, kỹ thuật dạy học là một bộ phận cấu thành của phương pháp dạy học, giúp hiện thực hóa các phương pháp trong quá trình giảng dạy, làm cho bài học trở nên sinh động, hấp dẫn và phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh [19].

Kỹ thuật dạy học tích cực là những cách thức cụ thể, mang tính thao tác sư phạm, được giáo viên sử dụng trong tiến trình dạy học nhằm phát huy tối đa vai trò chủ động, tích cực và sáng tạo của học sinh. Các kỹ thuật này thường được áp dụng trong phạm vi một hoạt động, một nhiệm vụ học tập nhỏ, góp phần làm phong phú và hiệu quả hóa việc thực hiện các phương pháp dạy học tích cực [20].

b, Phân loại kỹ thuật dạy học tích cực

Kỹ thuật dạy học tích cực rất đa dạng và phong phú, có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau. Theo các tác giả Nguyễn Hữu Long (2018), Trần Bá Hoành (2006) và tài liệu bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học, các kỹ thuật dạy học tích cực có thể phân loại theo hình thức hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm [18].

** Các kỹ thuật tổ chức hoạt động nhóm*

Kỹ thuật tổ chức hoạt động theo nhóm là những kỹ thuật giúp học sinh hợp tác, giao tiếp, chia sẻ và học tập lẫn nhau thông qua đó giúp học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề sáng tạo. Có thể kể đến một số kỹ thuật được sử dụng trong tổ chức hoạt động nhóm như:

- Kỹ thuật “Trò chơi học tập”
- Kỹ thuật “Bể cá”
- Kỹ thuật “Mảnh ghép”
- Kỹ thuật “Khăn trải bàn”
- Kỹ thuật “Phòng tranh”
- Kỹ thuật “trạm - góc”

** Các kỹ thuật tổ chức hoạt động cá nhân*

Kỹ thuật tổ chức hoạt động cá nhân phù hợp để học sinh tự suy nghĩ, phản ánh hoặc đưa ra ý kiến cá nhân, giúp phát triển tư duy độc lập, tự học và khả năng phản biện. Cụ thể:

- Kỹ thuật “5W1H”
- Kỹ thuật “KWLH”
- Kỹ thuật “Tia chớp”
- Kỹ thuật “sơ đồ tư duy”

1.1.2. Kỹ thuật phòng tranh trong dạy học

a, Khái niệm kỹ thuật phòng tranh

Kỹ thuật phòng tranh là một hình thức tổ chức hoạt động dạy học tích cực, trong đó học sinh được chia thành các nhóm nhỏ để thực hiện nhiệm vụ học tập dưới dạng sản phẩm trực quan như tranh vẽ, sơ đồ tư duy, biểu bảng, phiếu học tập hoặc bản trình bày. Sau khi hoàn thành, các sản phẩm này được trưng bày xung quanh lớp học, tạo thành một “phòng tranh” để các nhóm học sinh lần lượt tham quan, quan sát, thảo luận và đưa ra ý kiến nhận xét, phản hồi hoặc đặt câu hỏi cho các sản phẩm của nhóm bạn. Giáo viên tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân hoặc nhóm thông qua nội dung, hình thức bức tranh [21].

Về bản chất, kỹ thuật phòng tranh tạo ra một môi trường học tập mở, giàu tính tương tác, trong đó học sinh không chỉ được trình bày ý tưởng của bản thân, mà còn học hỏi từ những cách tiếp cận khác nhau của bạn bè. Qua đó, học sinh phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, hợp tác và sáng tạo – những năng lực cốt lõi được nhấn mạnh trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [20].

b, Ưu điểm và hạn chế của kỹ thuật phòng tranh

** Ưu điểm*

Thứ nhất: dạy học bằng kỹ thuật phòng tranh giúp học sinh ghi nhớ kiến thức hiệu quả, do kết hợp giữa quan sát, thảo luận, trình bày và giảng giải – một trong những hình thức học sâu nhất.

Thứ hai: kỹ thuật này tạo cơ hội để học sinh thể hiện bản thân, bày tỏ quan điểm cá nhân và phát huy sở trường thông qua việc thiết kế, trình bày sản phẩm học tập, từ đó tạo nên một môi trường học tập sinh động, thoải mái và hiệu quả.

Thứ ba: học sinh được rèn luyện nhiều kỹ năng mềm như thuyết trình, hợp tác, phân tích, đánh giá, ra quyết định... góp phần hình thành sự tự tin và năng lực tự thể hiện.

** Hạn chế:*

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật, kỹ thuật phòng tranh vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định trong thực tế giảng dạy ở tiểu học:

Khó kiểm soát lớp học: việc học sinh di chuyển, thảo luận, phản hồi trong quá trình “tham quan” dễ khiến lớp học trở nên ồn ào, vượt tầm kiểm soát nếu giáo viên thiếu kỹ năng quản lý.

Tốn thời gian: kỹ thuật này đòi hỏi nhiều bước (chuẩn bị, trình bày, tham quan, phản hồi, tổng kết), trong khi thời lượng một tiết học tiểu học thường ngắn (35–40 phút), gây khó khăn trong tổ chức trọn vẹn hoạt động.

Yêu cầu cao về điều kiện tổ chức: cần đầu tư về đồ dùng dạy học, bố trí không gian lớp học phù hợp. Với lớp đông, phòng chật hoặc thiếu trang thiết bị, việc triển khai kỹ thuật này có thể gặp nhiều trở ngại.

c, Quy trình tổ chức kỹ thuật phòng tranh

Việc triển khai kỹ thuật phòng tranh thường diễn ra theo 5 bước cơ bản sau:

Bước 1: Đặt vấn đề: GV đưa ra một câu hỏi hoặc một vấn đề cần giải quyết.

Bước 2: Tạo sản phẩm: Mỗi HS hoặc nhóm HS sẽ tạo ra một sản phẩm để trả lời câu hỏi hoặc giải quyết vấn đề đó. Sản phẩm có thể là tranh vẽ, sơ đồ, mô hình, bài viết,...

Bước 3: Trưng bày: Các sản phẩm được trưng bày xung quanh lớp học như một buổi triển lãm.

Bước 4: Tham quan và nhận xét: HS sẽ đi tham quan triển lãm, quan sát các sản phẩm của bạn bè và đưa ra nhận xét, góp ý.

Bước 5: Thảo luận và tổng kết: Lớp cùng nhau thảo luận về các sản phẩm, rút ra kết luận và tìm ra câu trả lời tối ưu cho vấn đề đặt ra.

1.2. Khái quát môn Tự nhiên và Xã hội 3

1.2.1. Đặc điểm môn học

Theo chương trình giáo dục phổ thông môn TN&XH:

TN&XH là môn học bắt buộc ở các lớp 1, 2, 3, được xây dựng dựa trên nền tảng khoa học cơ bản, ban đầu về TN&XH. Môn học cung cấp cơ sở quan trọng cho việc học tập các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở lớp 4, lớp 5 và các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội ở các cấp học trên.

Môn học coi trọng việc tổ chức cho HS trải nghiệm thực tế, tạo cho HS cơ hội tìm hiểu, khám phá thế giới TN&XH xung quanh; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn, học cách ứng xử phù hợp với TN&XH [22].

1.2.2. Quan điểm xây dựng chương trình

Theo chương trình giáo dục phổ thông môn TN&XH:

Chương trình môn TN&XH quán triệt các quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục được nêu trong Chương trình tổng thể. Đồng thời, xuất phát từ đặc thù của môn học, những quan điểm sau được nhấn mạnh trong xây dựng chương trình:

a, Dạy học tích hợp

Chương trình môn TN&XH được xây dựng dựa trên quan điểm dạy học tích hợp, coi con người, TN&XH là một chỉnh thể thống nhất có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó con người là cầu nối giữa tự TN&XH. Các nội dung giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống, giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường, giáo dục tài chính được tích hợp vào môn TN&XH ở mức độ đơn giản, phù hợp với điều kiện của Việt Nam [23, tr3].

b, Dạy học theo chủ đề

Nội dung giáo dục môn TN&XH được tổ chức theo các chủ đề: gia đình, trường học, cộng đồng địa phương, thực vật và động vật, con người và sức khỏe, Trái Đất và bầu trời. Các chủ đề này được phát triển theo hướng mở rộng và nâng cao từ lớp 1 đến lớp 3. Mỗi chủ đề đều thể hiện mối liên quan, sự tương tác giữa con người với các yếu tố TN&XH. Tùy theo từng chủ đề, nội dung giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống; giáo dục các vấn đề liên quan đến việc giữ gìn sức khỏe, bảo vệ cuộc sống an toàn của bản thân, gia đình và cộng đồng, bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai,... được thể hiện ở mức độ đơn giản và phù hợp [23, tr3 – 4].

c, Tích cực hoá hoạt động của học sinh

Chương trình môn TN&XH tăng cường sự tham gia tích cực của HS vào quá trình học tập, nhất là những hoạt động trải nghiệm; tổ chức hoạt động tìm hiểu, điều tra, khám phá; hướng dẫn HS học tập cá nhân, nhóm để tạo ra các sản phẩm học tập; khuyến khích HS vận dụng được những điều đã học vào đời sống [23, tr4].

1.2.3. Mục tiêu chương trình

Theo chương trình giáo dục phổ thông môn TN&XH:

Chương trình môn TN&XH góp phần hình thành, phát triển ở HS tình yêu con người, thiên nhiên; đức tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống; các năng lực chung và năng lực khoa học [22, tr4].

1.2.4. Nội dung chương trình

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 3 gồm 6 chủ đề: Gia đình, Trường học, Cộng đồng địa phương, Thực vật và động vật, Con người và sức khỏe, Trái đất và bầu trời [22, tr17].

Bảng 1.1. Nội dung chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 3

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CHỦ ĐỀ 1: GIA ĐÌNH	
Họ hàng nội, ngoại	- Nêu được mối quan hệ họ hàng nội, ngoại. - Xung hô đúng với các thành viên trong gia đình thuộc họ nội, họ ngoại. - Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh vào sơ đồ gia đình và họ hàng nội, ngoại theo mẫu. - Bày tỏ được tình cảm, sự gắn bó của bản thân với họ hàng nội, ngoại.
Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình	- Nêu được tên một số ngày kỉ niệm hay sự kiện quan trọng của gia đình và thông tin có liên quan đến những sự kiện đó (ví dụ: một chuyến đi dã ngoại, du lịch đáng nhớ của cả gia đình; thay đổi nơi ở, nơi học, công việc của thành viên gia đình,...). - Vẽ được đường thời gian theo thứ tự các sự kiện lớn, các mốc quan trọng đã xảy ra trong gia đình. - Nhận xét được sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ.
Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà	- Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến cháy nhà và nêu được những thiệt hại có thể xảy ra (về người, tài sản,...) do hỏa hoạn. - Đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong tình huống có cháy xảy ra; Nhận xét về những cách ứng xử đó. - Thực hành ứng xử trong tình huống giả định khi có cháy xảy ra. - Điều tra, phát hiện được những thứ có thể gây cháy trong nhà và nói với người lớn có biện pháp để phòng cháy.

Giữ vệ sinh xung quanh nhà	- Kể tên và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh xung quanh nhà. - Giải thích được một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà.
CHỦ ĐỀ 2: TRƯỜNG HỌC	
Hoạt động kết nối với xã hội của trường học	- Nêu được tên và ý nghĩa một đến hai hoạt động kết nối với xã hội của trường học (ví dụ: hoạt động bảo vệ môi trường, hoạt động truyền thông về an toàn giao thông, hoạt động ủng hộ đồng bào bị thiên tai,...) và mô tả được hoạt động đó. - Nhận xét được về sự tham gia của học sinh trong các hoạt động đó.
Truyền thống của nhà trường	- Đặt được một số câu hỏi để tìm hiểu về truyền thống nhà trường (năm thành lập trường, thành tích dạy và học; các hoạt động khác,...). - Giới thiệu được một cách đơn giản về truyền thống nhà trường. - Bày tỏ được tình cảm hoặc mong ước của bản thân đối với nhà trường.
Giữ an toàn và vệ sinh ở trường hoặc khu vực xung quanh trường	- Thực hành khảo sát về sự an toàn trong khuôn viên nhà trường hoặc khu vực xung quanh trường theo nhóm: + Lập được kế hoạch khảo sát về sự an toàn của phòng học, tường rào, sân chơi, bãi tập hoặc khu vực xung quanh trường theo mẫu. + Khảo sát được về sự an toàn liên quan đến cơ sở vật chất của nhà trường hoặc khu vực xung quanh trường theo sự phân công của nhóm. + Làm báo cáo, trình bày được kết quả khảo sát và đưa ra được ý tưởng khuyến nghị với nhà trường nhằm khắc phục, hạn chế những rủi ro có thể xảy ra.

	- Có ý thức giữ gìn và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh trường học và khu vực xung quanh trường.
CHỦ ĐỀ 3: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	
Một số hoạt động sản xuất	- Kể được tên, sản phẩm và ích lợi của một số hoạt động sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp hoặc thủ công) ở địa phương. - Trình bày, giới thiệu được một trong số các sản phẩm của địa phương dựa trên các thông tin, tranh ảnh, vật thật,... sưu tầm được. - Viết, vẽ hoặc sử dụng tranh ảnh, video,... để chia sẻ với những người xung quanh về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường.
Di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên	- Giới thiệu được (bằng lời hoặc kết hợp lời nói với hình ảnh) một di tích lịch sử, văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. - Thể hiện sự tôn trọng và có ý thức giữ vệ sinh khi đi tham quan di tích văn hoá, lịch sử hoặc cảnh quan thiên nhiên.
CHỦ ĐỀ 4: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	
Các bộ phận của thực vật, động vật và chức năng của các bộ phận đó	- Vẽ hoặc sử dụng sơ đồ sẵn có để chỉ vị trí và nói (hoặc viết) được tên một số bộ phận của thực vật và động vật. - Trình bày được chức năng của các bộ phận đó (sử dụng sơ đồ, tranh ảnh). - So sánh (hình dạng, kích thước, màu sắc) rễ, thân, lá, hoa, quả của các thực vật khác nhau; phân loại được thực vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm của thân, rễ, lá,...). - So sánh được đặc điểm cấu tạo của một số động vật khác nhau; phân loại được động vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm cơ quan di chuyển,...).
Sử dụng hợp lí thực vật và động vật	- Nêu được ví dụ về việc sử dụng thực vật và động vật trong đời sống hằng ngày.

	- Liên hệ thực tế, nhận xét về cách sử dụng thực vật và động vật của gia đình và cộng đồng địa phương. - Lựa chọn và đề xuất cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí. Chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện.
CHỦ ĐỀ 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	
Một số cơ quan bên trong cơ thể	- Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh trên sơ đồ, tranh ảnh. - Nhận biết được chức năng của các cơ quan nêu trên ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động sống hằng ngày của bản thân (ví dụ: theo dõi việc ăn, uống và thải bã; phát hiện tim và mạch máu đập; phát hiện khả năng phản ứng của cơ thể như rút tay lại khi sờ vào vật nóng và sự thay đổi cảm xúc, khóc khi bị ngã đau, vui khi được khen, buồn khi các bạn không cho chơi cùng).
Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể	- Nêu được một số ví dụ về mối quan hệ với gia đình hoặc bạn bè có ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến trạng thái cảm xúc (hoặc sức khoẻ tinh thần) của mỗi người. - Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ các cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn và thần kinh. - Kể được tên một số thức ăn, đồ uống và hoạt động có lợi cho các cơ quan tiêu hoá, tim mạch, thần kinh. - Thu thập được thông tin về một số chất và hoạt động có hại đối với các cơ quan tiêu hoá, tim mạch, thần kinh (ví dụ: thuốc lá, rượu, ma túy); nêu được cách phòng tránh. - Xây dựng và thực hiện được thời gian biểu phù hợp (theo mẫu) để có được thói quen học tập, vui chơi, ăn uống, nghỉ ngơi điều độ và ngủ đủ giấc.
CHỦ ĐỀ 6: TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	
Phương hướng	- Kể được bốn phương chính trong không gian theo quy ước.

	- Thực hành xác định được các phương chính dựa trên phương Mặt Trời mọc, lặn hoặc sử dụng la bàn.
Một số đặc điểm của Trái Đất	- Nhận biết ban đầu về hình dạng Trái Đất qua quả địa cầu. - Chỉ được cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu. - Trình bày được một vài hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video. - Tìm và nói được tên các châu lục và các đại dương trên quả địa cầu. Chỉ được vị trí của Việt Nam trên quả địa cầu. - Nêu được một số dạng địa hình của Trái Đất: đồng bằng, đồi, núi, cao nguyên; sông, hồ; biển, đại dương dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video. - Xác định được nơi học sinh đang sống thuộc dạng địa hình nào
Trái Đất trong hệ Mặt Trời	- Chỉ và nói được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời trên sơ đồ, tranh ảnh. - Chỉ và trình bày được chiều chuyển động của Trái Đất quanh mình nó và quanh Mặt Trời trên sơ đồ và (hoặc) mô hình. - Giải thích được ở mức độ đơn giản hiện tượng ngày và đêm, qua sử dụng mô hình hoặc video. - Chỉ được chiều chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất trên sơ đồ và (hoặc) mô hình. - Nêu được Trái Đất là một hành tinh trong hệ Mặt Trời, Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất.

1.2.5. Khả năng vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3

Môn Tự nhiên và Xã hội 3 có nội dung thuộc các lĩnh vực: gia đình, nhà trường, cộng đồng địa phương, thực vật và động vật, con người và sức khỏe, trái

đất và bầu trời. Nội dung môn học gắn gũi với cuộc sống, gắn với trải nghiệm thực tế hằng ngày của học sinh. Ngoài ra, môn học còn yêu cầu học sinh phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề...

Chủ đề “Gia đình” bao gồm các nội dung: *Họ hàng nội, ngoại; Ngày kỷ niệm, sự kiện đáng nhớ; Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà; Giữ vệ sinh xung quanh nhà*. Đây là chủ đề rất gần gũi với học sinh và có nhiều nội dung dễ thể hiện bằng hình ảnh, sơ đồ hoặc câu chuyện minh họa.

Chủ đề “Trường học” bao gồm các bài: *Hoạt động kết nối với xã hội của trường học, Truyền thống nhà trường, Giữ an toàn và vệ sinh ở trường*. Những nội dung của chủ đề có tính cộng đồng, trải nghiệm và có thể triển khai dưới dạng hoạt động nhóm.

Kỹ thuật phòng tranh có khả năng vận dụng cao trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 nói chung và hai chủ đề “Gia đình” và “Trường học” nói riêng. Kỹ thuật phòng tranh giúp học sinh trình bày kiến thức một cách trực quan, sinh động; tăng tính trải nghiệm, sáng tạo và hiệu quả làm việc nhóm. Từ đó, góp phần hình thành các năng lực và phẩm chất theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

1.2.6. Thời lượng chương trình

Theo chương trình giáo dục phổ thông môn TN&XH:

Thời lượng thực hiện chương trình là 70 tiết/năm học, dạy trong 35 tuần. Ước lượng tỉ lệ % số tiết dành cho các chủ đề ở lớp 3 như sau: Gia đình 12%; Trường học 12%; Cộng đồng địa phương 14%; Thực vật và động vật 17%; Con người và sức khỏe 20%; Trái đất và bầu trời 15%; Đánh giá định kì 10% [22].

1.3. Đặc điểm tâm sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học

1.3.1. Những đặc điểm thể chất và hoạt động chính của trẻ

Giai đoạn từ 6 đến 11 tuổi đánh dấu bước chuyển rõ nét về thể chất ở trẻ em. Chiều cao và cân nặng gia tăng đều đặn theo từng năm; hệ cơ và xương tuy phát triển nhưng vẫn còn yếu, dễ bị tổn thương nếu hoạt động sai cách. Trong thời kỳ này, quá trình thay răng sữa bằng răng vĩnh viễn cũng diễn ra, thể hiện sự trưởng thành dần về mặt sinh học.

Vận động là nhu cầu nổi bật của trẻ. Các em thường xuyên tìm đến các hoạt động thể chất như chạy nhảy, leo trèo, chơi đuổi bắt... để thỏa mãn nhu cầu khám phá và giải tỏa năng lượng. Tuy nhiên, khả năng chịu đựng mệt mỏi chưa cao nên việc tổ chức các hoạt động cần chú trọng đến thời lượng phù hợp và kết hợp với nghỉ ngơi hợp lý.

Cùng với thể chất, hệ thống cảm giác và tri giác cũng có sự phát triển đáng kể. Trẻ quan sát tốt hơn, nghe rõ hơn và bắt đầu có khả năng phân tích, ghi nhớ một cách có chọn lọc. Từ chỗ cảm nhận thế giới chủ yếu bằng cảm xúc, trẻ chuyển dần sang biết so sánh, đối chiếu và phân biệt các sự vật, hiện tượng.

Hoạt động học tập giữ vai trò trung tâm trong đời sống hàng ngày. Thông qua học, trẻ tiếp thu kiến thức, hình thành kỹ năng tư duy và rèn luyện trí nhớ, ngôn ngữ. Hơn nữa, đây còn là môi trường giúp các em phát triển những phẩm chất cá nhân như tính tự giác, ý thức trách nhiệm và khả năng hợp tác.

Song song với học tập, vui chơi vẫn đóng vai trò thiết yếu. Các trò chơi không chỉ mang tính giải trí mà còn là cơ hội để trẻ phát triển thể lực, rèn luyện kỹ năng xã hội, khám phá bản thân và thế giới xung quanh. Sự kết hợp hài hòa giữa học và chơi góp phần nuôi dưỡng sự phát triển toàn diện cho trẻ trong những năm đầu đời học đường.

1.3.2. Đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học

Bước vào bậc tiểu học, học sinh bắt đầu có những chuyển biến rõ rệt về mặt nhận thức. So với giai đoạn mầm non, tư duy của các em đã có nhiều tiến bộ, chuyển từ tư duy cụ thể trực quan sang tư duy logic hình thành bước đầu. Trẻ có khả năng phân tích, so sánh, tổng hợp và khái quát đơn giản, tuy nhiên tư duy vẫn còn gắn chặt với những hình ảnh cụ thể, sinh động, chưa đạt đến mức trừu tượng sâu sắc như lứa tuổi lớn hơn.

Trí nhớ của học sinh tiểu học có nhiều cải thiện, đặc biệt là trí nhớ có chủ định. Các em không còn chỉ ghi nhớ một cách tự nhiên, mà bắt đầu biết sử dụng các biện pháp như lặp đi lặp lại, ghi chú, hình ảnh hóa... để hỗ trợ quá trình ghi nhớ. Tuy nhiên, trí nhớ vẫn mang tính máy móc là chính, nên việc giảng dạy cần gắn liền với hình ảnh trực quan, ví dụ thực tiễn để giúp trẻ dễ tiếp thu và ghi nhớ lâu dài.

Sự chú ý ở lứa tuổi này phát triển theo hướng có chủ định hơn. Học sinh bắt đầu biết tập trung vào nhiệm vụ học tập trong một khoảng thời gian nhất định, tuy nhiên mức độ duy trì còn hạn chế và dễ bị xao nhãng bởi các yếu tố bên ngoài. Do đó, hoạt động học tập cần được tổ chức hấp dẫn, linh hoạt, có tính tương tác để giữ sự tập trung của các em.

Khả năng quan sát và tưởng tượng cũng có sự tiến bộ. Trẻ có thể quan sát có mục đích và đưa ra những nhận xét, đánh giá mang tính khách quan hơn. Tưởng tượng ở lứa tuổi này thường phong phú, đa dạng và đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển sáng tạo. Việc khuyến khích trẻ kể chuyện, vẽ tranh, đóng vai... sẽ giúp nuôi dưỡng khả năng tưởng tượng một cách tích cực.

Nhìn chung, đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học phản ánh sự chuyển tiếp từ giai đoạn nhận thức cảm tính sang giai đoạn nhận thức lý tính ban đầu. Việc dạy học ở bậc tiểu học cần căn cứ vào đặc điểm này để lựa chọn phương pháp phù hợp, phát huy tối đa tiềm năng nhận thức của trẻ trong quá trình học tập và phát triển toàn diện.

1.4. Cơ sở thực tiễn

1.4.1. Khái quát về quá trình điều tra

a, Mục đích điều tra

Nhằm tìm hiểu về nhận thức của GV về kỹ thuật dạy học phòng tranh; thực trạng vận dụng kỹ thuật phòng tranh vào trong quá trình dạy học của GV; mức độ yêu thích của HS trong việc vận dụng kỹ thuật phòng tranh vào trong dạy học TN&XH; khó khăn của giáo viên khi vận dụng kỹ thuật phòng tranh vào dạy học. Tôi tiến hành điều tra thu thập thông tin cùng với cơ sở lý luận làm tiền đề cho việc đề xuất quy trình thiết kế và những lưu ý khi thiết kế các hoạt động vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học.

b, Địa bàn điều tra

Để chuẩn bị cho việc nghiên cứu vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn TN&XH 3. Tôi tiến hành khảo sát và điều tra thông qua các thầy, cô giáo đang công tác tại một số trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

c, Nội dung điều tra

Tôi tiến hành khảo sát và điều tra các thầy, cô giáo Tiểu học các vấn đề cơ bản sau:

- Nhận thức của GV về kỹ thuật phòng tranh.
- Thực trạng vận dụng kỹ thuật phòng tranh của GV trong dạy học môn TN&XH.
- Mức độ yêu thích của HS khi GV vận dụng kỹ thuật phòng tranh vào trong dạy học môn TN&XH.
- Những khó khăn của GV khi vận dụng kỹ thuật phòng tranh vào trong quá trình dạy học.

d, Phương pháp điều tra

Những phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình điều tra, khảo sát được tôi sử dụng là:

- Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: Tôi xây dựng phiếu khảo sát dành cho các GV với các câu hỏi trắc nghiệm có các đáp án có sẵn về kỹ thuật dạy học phòng tranh và thực trạng vận dụng kỹ thuật phòng tranh của GV trong dạy học.
- Phương pháp thống kê toán học: Tôi đã thu thập, xử lý, phân tích các số liệu điều tra.

1.4.2. Kết quả điều tra

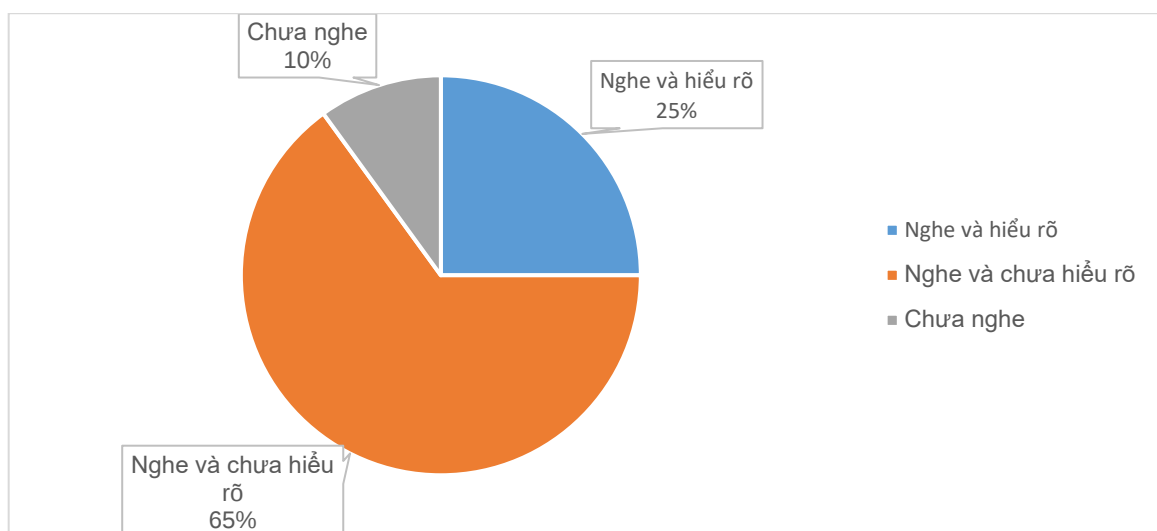
Dựa trên kết quả thu được của 40 phiếu hợp lệ, tôi tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả thu được như sau:

a, Nhận thức và hiểu biết của giáo viên về kỹ thuật phòng tranh

Để điều tra nhận thức của giáo viên về kỹ thuật phòng tranh, tôi tiến hành điều tra qua 4 câu hỏi.

Câu hỏi 1: Thầy (cô) đã từng nghe đến kỹ thuật phòng tranh trong dạy học chưa?

Kết quả điều tra được thể hiện ở biểu đồ 1.1.



Biểu đồ 1.1. Mức độ nhận biết của giáo viên về “Kỹ thuật phòng tranh”

Qua biểu đồ 1.1 cho thấy có 65% giáo viên đã từng nghe và biết về kỹ thuật phòng tranh nhưng chưa hiểu rõ; 10% giáo viên chưa từng nghe nói về kỹ thuật phòng tranh trong dạy học và chỉ có 25% đã nghe và hiểu rõ về kỹ thuật phòng tranh trong dạy học. Kết quả khảo sát phản ánh kỹ thuật phòng tranh đã được tiếp cận ở mức độ nhất định nhưng chưa được vận dụng phổ biến trong dạy và học ở tiểu học.

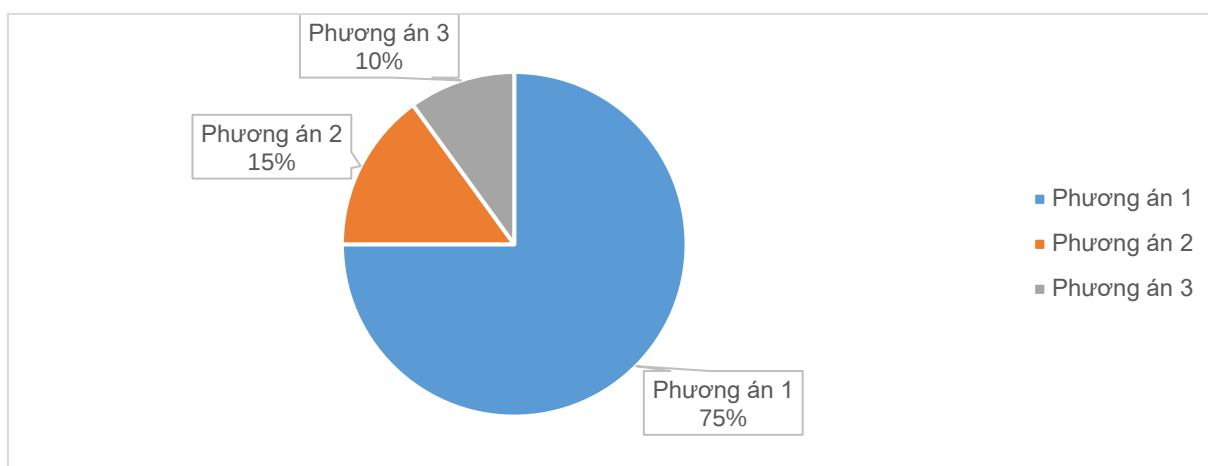
Câu hỏi 2: Theo thầy/ cô kỹ thuật phòng tranh là?

Phương án 1: Học sinh trưng bày sản phẩm học tập và tham quan để thảo luận, phản hồi.

Phương án 2: Giáo viên trưng bày tranh và giảng giải

Phương án 3: Học sinh cùng vẽ tranh trang trí lớp học

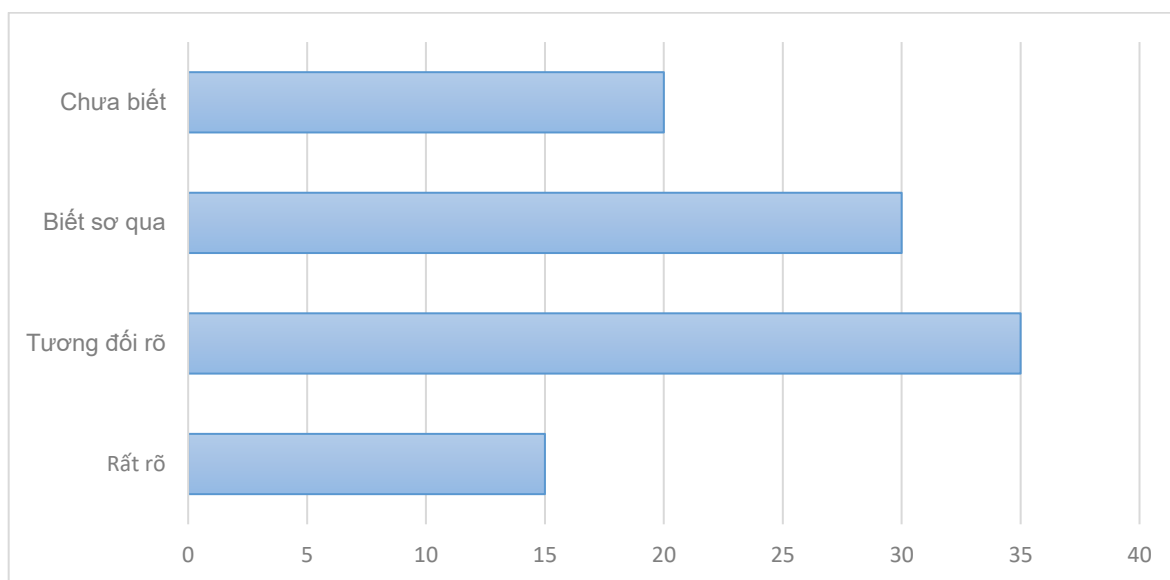
Kết quả khảo sát được trình bày ở biểu đồ 1.2.



Biểu đồ 1.2. Khái niệm về “Kỹ thuật phòng tranh”

Kết quả khảo sát cho thấy có 75% giáo viên chọn đúng bản chất của kỹ thuật phòng tranh. Tuy nhiên, vẫn có một bộ phận (25%) hiểu sai, nhầm với hoạt động trang trí hoặc trưng bày thông thường.

Câu hỏi 3: Mức độ hiểu biết của thầy/ cô về quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật phòng tranh. Kết quả khảo sát được thể hiện ở biểu đồ 1.3



Biểu đồ 1.3. Mức độ hiểu biết về quy trình tổ chức dạy học theo “kỹ thuật phòng tranh”

Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 15% giáo viên tự tin hiểu rõ quy trình tổ chức, 50% còn lại hiểu rất mơ hồ hoặc chưa biết.

Câu hỏi 4: Khi sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học có thể giúp học sinh phát triển những phẩm chất và năng lực nào?

Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 1.2.

Bảng 1.2. Phẩm chất và năng lực phát triển cho học sinh qua kỹ thuật phòng tranh

Năng lực/ phẩm chất	Số GV chọn	Tỉ lệ
Giao tiếp và hợp tác	34	85%
Tự chủ và tự học	22	55%
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	30	75%

Tìm hiểu tự nhiên – xã hội	26	65%
Chăm chỉ	14	35%
Yêu thương, trách nhiệm	20	50%

Bảng số liệu cho thấy giáo viên đánh giá kỹ thuật phòng tranh có tác động tích cực đến việc phát triển nhiều phẩm chất và năng lực cốt lõi của học sinh tiểu học. Trong số các năng lực và phẩm chất được khảo sát, năng lực giao tiếp và hợp tác được đánh giá cao nhất, với 34 giáo viên chọn (tương đương 85%), cho thấy hoạt động này tạo điều kiện thuận lợi để học sinh tương tác, trao đổi và làm việc nhóm hiệu quả.

Tiếp theo là năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo với 30 giáo viên (75%), phản ánh khả năng kích thích tư duy sáng tạo và giải quyết tình huống qua việc thảo luận và trình bày quan điểm trong phòng tranh. Năng lực tìm hiểu tự nhiên – xã hội cũng được đánh giá khá cao (65%), cho thấy hoạt động này giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách chủ động và gần gũi với thực tiễn.

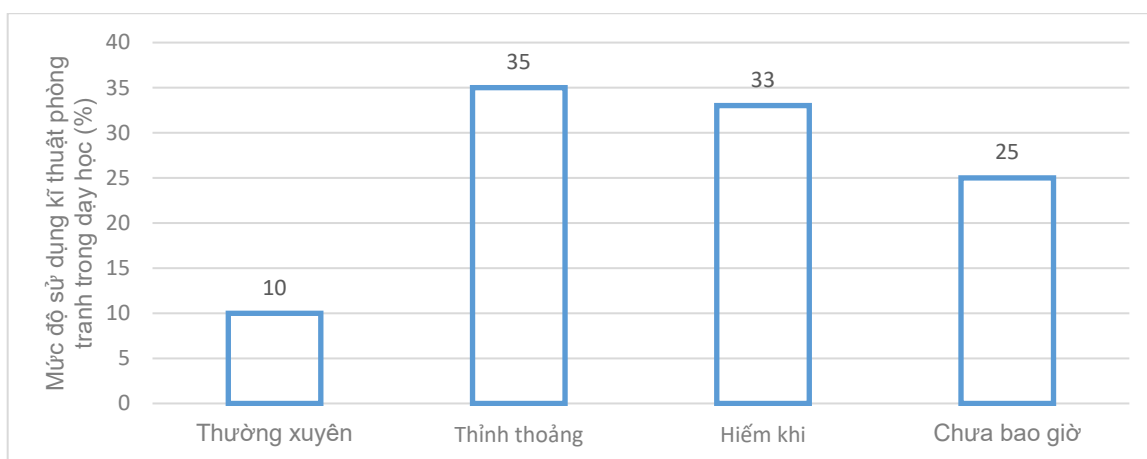
Năng lực tự chủ và tự học đạt tỷ lệ 55%, cho thấy kỹ thuật phòng tranh có hỗ trợ nhất định trong việc rèn luyện thói quen học tập độc lập, nhưng chưa được đánh giá quá nổi bật. Về phẩm chất, yêu thương và trách nhiệm chiếm 50%, cho thấy hoạt động này có thể góp phần hình thành tình cảm tích cực, nhưng hiệu quả còn phụ thuộc vào nội dung chủ đề và cách tổ chức.

Đáng chú ý, phẩm chất chăm chỉ chỉ được 14 giáo viên lựa chọn (35%), thấp nhất trong bảng. Điều này cho thấy kỹ thuật phòng tranh tuy có tính hấp dẫn và sáng tạo, nhưng có thể chưa thực sự thúc đẩy mạnh mẽ sự kiên trì, bền bỉ của học sinh trong quá trình học tập.

b, Mức độ sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học

Để tìm hiểu về việc sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học của giáo viên tiểu học, tôi tiến hành khảo sát với 03 câu hỏi (câu 5, câu 6 và câu 7)

Với câu hỏi số 5: Thầy/Cô đã từng sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong môn Tự nhiên và Xã hội chưa? Kết quả khảo sát được thể hiện ở biểu đồ 1.4.



Biểu đồ 1.4. Mức độ sử dụng “kỹ thuật phòng tranh” trong dạy học

Kết quả điều tra cho thấy: Có 10% giáo viên thường xuyên sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học; 35% GV thành thạo sử dụng và tới 58% GV hiếm khi và chưa bao giờ sử dụng.

Câu số 06: Thầy/ cô thường sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong hoạt động nào của tiến trình dạy học? Kết quả thu được thể hiện ở bảng 1.3.

Bảng 1.3. Mức độ sử dụng “kỹ thuật phòng tranh” trong các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy học	Số chọn	Tỉ lệ
Hoạt động khởi động	10	25%
Hoạt động khám phá	20	50%
Hoạt động thực hành (Luyện tập)	18	45%
Hoạt động vận dụng	15	37.5%

Số liệu từ bảng cho thấy kỹ thuật phòng tranh được giáo viên áp dụng ở nhiều giai đoạn khác nhau trong tiến trình dạy học, nhưng mức độ sử dụng có sự chênh lệch rõ rệt giữa các hoạt động.

Hoạt động khám phá là giai đoạn được áp dụng kỹ thuật phòng tranh nhiều nhất, với 20 giáo viên lựa chọn (50%). Điều này phản ánh đây là giai đoạn phù hợp để học sinh thảo luận, nêu ý kiến và tiếp cận kiến thức mới thông qua hình thức trao đổi mở. Việc sử dụng kỹ thuật này trong hoạt động khám phá giúp phát huy tính chủ động, tư duy sáng tạo và khả năng giao tiếp của học sinh.

Hoạt động thực hành (luyện tập) đứng ở vị trí thứ hai với 18 giáo viên lựa chọn (45%), cho thấy kỹ thuật phòng tranh cũng được đánh giá là phù hợp trong việc củng cố và khắc sâu kiến thức đã học, thông qua việc trình bày, nhận xét và phản hồi ý tưởng của nhau.

Hoạt động vận dụng có tỷ lệ sử dụng thấp hơn, ở mức 37.5%, mặc dù đây là giai đoạn cần sự sáng tạo và khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Điều này có thể cho thấy giáo viên còn gặp khó khăn trong việc triển khai kỹ thuật phòng tranh cho các nhiệm vụ mang tính ứng dụng, hoặc do đặc thù nội dung không phù hợp với hình thức thảo luận nhóm.

Đáng chú ý, hoạt động khởi động là giai đoạn ít được sử dụng kỹ thuật phòng tranh nhất (25%). Đây là điều dễ hiểu vì giai đoạn này thường nhằm mục đích tạo hứng thú, kết nối bài học, nên giáo viên có xu hướng sử dụng các hình thức nhẹ nhàng, nhanh gọn hơn thay vì thảo luận sâu.

Khi khảo sát về việc vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học các chủ đề trong môn Tự nhiên và xã hội 3. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 1.4

Bảng 1.4. Vận dụng kỹ thuật phòng tranh để dạy học các chủ đề trong môn Tự nhiên và xã hội 3

Chủ đề	Số chọn	Tỉ lệ
Gia đình	28	70%
Trường học	30	75%
Cộng đồng địa phương	24	60%
Con người và sức khỏe	18	45%
Thực vật và động vật	22	55%
Trái Đất và bầu trời	12	30%

Qua số liệu thống kê, có thể thấy giáo viên có xu hướng lựa chọn vận dụng kỹ thuật phòng tranh nhiều hơn ở các chủ đề mang tính xã hội, gần gũi với đời sống hằng ngày của học sinh.

Chủ đề “Trường học” được đánh giá cao nhất với 30 giáo viên lựa chọn (75%), tiếp đến là “Gia đình” với 28 giáo viên (70%). Đây là hai chủ đề quen thuộc, gần gũi với trải nghiệm cá nhân của học sinh, dễ khơi gợi ý kiến, cảm xúc và tạo điều kiện cho các em tham gia thảo luận, trình bày quan điểm – vốn là thế mạnh của kỹ thuật phòng tranh.

Chủ đề “Cộng đồng địa phương” cũng có tỷ lệ khá cao (60%), cho thấy sự phù hợp của phương pháp này trong việc giúp học sinh hiểu hơn về môi trường sống xung quanh, thông qua việc chia sẻ, thảo luận và liên hệ thực tế. Điều này cho thấy kỹ thuật phòng tranh hỗ trợ hiệu quả trong việc kết nối bài học với cuộc sống.

Ngược lại, các chủ đề mang tính khoa học tự nhiên hoặc yêu cầu kiến thức lý thuyết chuyên sâu có tỷ lệ áp dụng thấp hơn. Cụ thể, “Con người và sức khỏe” được 45% giáo viên lựa chọn, “Thực vật và động vật” là 55%, và thấp nhất là “Trái Đất và bầu trời” chỉ 30%. Nguyên nhân có thể do những chủ đề này cần nhiều kiến thức chính xác, ít có sự đa dạng về quan điểm cá nhân, nên khó triển khai hiệu quả bằng hình thức thảo luận nhóm theo kiểu phòng tranh.

Tìm hiểu về những khó khăn của thầy/ cô giáo khi sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học. Kết quả khảo sát thu được thể hiện ở bảng 1.5.

Bảng 1.5. Những khó khăn khi sử dụng “kỹ thuật phòng tranh” trong dạy học

Khó khăn	Số chọn	Tỷ lệ
Khó quản lý lớp học	28	70%
Mất nhiều thời gian (chuẩn bị và tổ chức)	25	62.5%
Học sinh thiếu kỹ năng hợp tác	22	55%
Thiếu đồ dùng, học liệu	18	45%
Không gian lớp học hạn chế	20	50%
Chưa được hướng dẫn, tập huấn cụ thể	24	60%

Dữ liệu từ bảng cho thấy việc triển khai kỹ thuật phòng tranh trong dạy học tuy có nhiều tiềm năng nhưng vẫn gặp không ít khó khăn từ cả phía giáo viên, học sinh và điều kiện dạy học.

Khó khăn được nhiều giáo viên lựa chọn nhất là “Khó quản lý lớp học” với 28 phiếu chọn (70%). Đây là vấn đề thường gặp khi tổ chức các hoạt động mang tính tương tác nhóm cao như phòng tranh, bởi học sinh tiểu học còn hạn chế về ý thức tự quản và dễ bị sao nhãng nếu không có sự dẫn dắt chặt chẽ từ giáo viên.

Tiếp theo là khó khăn “Mất nhiều thời gian (chuẩn bị và tổ chức)” với 62.5%, cho thấy kỹ thuật phòng tranh đòi hỏi giáo viên đầu tư nhiều vào việc thiết kế hoạt động, phân công nhiệm vụ, chuẩn bị học liệu và điều phối thảo luận, điều này dễ gây áp lực trong bối cảnh chương trình học còn nặng và thời lượng tiết học có giới hạn. Khó khăn về “chưa được hướng dẫn, tập huấn cụ thể” cũng chiếm tỷ lệ khá cao (60%), phản ánh thực trạng nhiều giáo viên chưa được trang bị đầy đủ về phương pháp, kỹ thuật tổ chức hoạt động phòng tranh một cách bài bản. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả áp dụng cũng như sự tự tin của giáo viên khi triển khai.

Ngoài ra, các yếu tố như “học sinh thiếu kỹ năng hợp tác” (55%), “không gian lớp học hạn chế” (50%), và “thiếu đồ dùng, học liệu” (45%) cũng là những rào cản thực tế, ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động một cách linh hoạt và hiệu quả. Những yếu tố này phần lớn xuất phát từ điều kiện cơ sở vật chất và trình độ kỹ năng mềm của học sinh – những yếu tố cần thời gian và hỗ trợ đồng bộ để cải thiện.

Kết quả khảo sát có thể thấy khó khăn nổi bật khi sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học là việc quản lý lớp học, mất nhiều thời gian để thiết kế và tổ chức dạy học, không gian lớp học hạn chế và thiếu đồ dùng học liệu học tập ...

Như vậy, qua khảo sát 40 giáo viên tiểu học, có thể thấy rằng kỹ thuật phòng tranh đã được tiếp cận ở mức độ nhất định song chưa được sử dụng rộng rãi trong thực tiễn dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3. Giáo viên đánh giá cao hiệu quả của kỹ thuật này trong dạy học, đặc biệt trong phát triển năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh. Tuy nhiên, các thầy (cô) giáo cũng gặp phải những khó khăn nhất định như: thiếu thời gian để chuẩn bị cho tiết

dạy và thời gian để tổ chức hoạt động học tập; chưa được tập huấn cụ thể, cơ sở vật chất chưa đầy đủ... là rào cản lớn cần được khắc phục để kỹ thuật phòng tranh được áp dụng hiệu quả hơn trong nhà trường tiểu học.

c, Mức độ hứng thú của học sinh khi giáo viên vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực nói chung và kỹ thuật phòng tranh vào dạy học môn Tự nhiên và Xã hội

Để tìm hiểu về mức độ hứng thú của học sinh khi giáo viên sử dụng các kỹ thuật dạy học và kỹ thuật phòng tranh trong dạy học. Tôi tiến hành khảo sát trên học sinh thông qua phiếu học. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 1.6.

Bảng 1.6. Mức độ hứng thú của học sinh khi giáo viên vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực nói chung và kỹ thuật phòng tranh vào dạy học môn Tự nhiên và Xã hội

Stt	Câu hỏi khảo sát	Rất thích		Thích		Bình thường		Không thích	
		Số chọn (HS)	Tỉ lệ (%)	Số chọn (HS)	Tỉ lệ (%)	Số chọn (HS)	Tỉ lệ (%)	Số chọn (HS)	Tỉ lệ (%)
1	Em cảm thấy vui và hào hứng khi học bằng các hoạt động thảo luận nhóm, vẽ tranh, vẽ sơ đồ tư duy, làm phiếu học tập ...	60	57,1	28	26,7	12	11,4	5	4,8
2	Em thích tham gia thảo luận, làm việc nhóm, trình bày ý kiến của mình	52	49,5	34	32,4	15	14,3	4	3,8
3	Em thấy bài học dễ hiểu và thú vị hơn khi cô	58	55,2	31	29,5	13	12,4	3	2,9

	giáo cho làm việc nhóm								
4	Em muốn học theo cách này (thảo luận nhóm, vẽ sơ đồ tư duy, làm phiếu học tập ...) nhiều hơn trong các tiết học khác	50	47,6	36	34,3	14	13,3	5	4,8
5	Em cảm thấy mình học được nhiều điều mới và vui hơn khi học theo nhóm	56	53,3	33	31,4	11	10,5	5	4,8

Kết quả khảo sát cho thấy:

Có trên 83.8% học sinh thể rất thích hoặc thích với các hoạt động dạy học mà GV vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực; 81.9% học sinh thích được tham gia thảo luận, làm việc nhóm, trình bày ý kiến của mình. Kết quả cho thấy, các kỹ thuật dạy học tích cực giúp học sinh chủ động và tự tin hơn; Trên 84% học sinh thấy bài học dễ hiểu và thú vị hơn khi cô giáo cho làm việc nhóm; 81.9% học sinh mong muốn được tiếp tục học bằng cách thảo luận nhóm, vẽ sơ đồ tư duy, làm phiếu học tập... nhiều hơn trong các tiết học; 84,7% học sinh rất thích và thích làm việc nhóm.

Như vậy, qua khảo sát 105 học sinh lớp 3, đa số học sinh bày tỏ ra thích thú và hào hứng khi được học với các kỹ thuật dạy học tích cực. Các em cảm thấy vui vẻ, dễ hiểu bài, muốn học nhiều hơn và thấy bản thân tiến bộ khi được làm việc nhóm, vẽ tranh, thảo luận. Điều này khẳng định rằng các kỹ thuật như phòng tranh, trò chơi học tập, làm việc nhóm,... đã tạo được hứng thú học tập cho học sinh, từ đó giúp học sinh chủ động và sáng tạo hơn trong học tập.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 đã trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn về việc vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3. Về lý luận, môn học có nội dung gần gũi với học sinh, phù hợp để phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề,... Đặc điểm tâm sinh lý và nhận thức của học sinh tiểu học cũng cho thấy sự phù hợp với các phương pháp dạy học tích cực, trong đó có kỹ thuật phòng tranh.

Khảo sát thực tiễn cho thấy giáo viên đã bước đầu nhận biết được kỹ thuật phòng tranh nhưng chưa sử dụng phổ biến do gặp nhiều khó khăn như thiếu thời gian, học liệu, kỹ năng tổ chức và quản lí lớp học. Tuy vậy, học sinh lại rất hứng thú khi được học theo hình thức này.

Những kết quả trên là cơ sở quan trọng để xây dựng quy trình và đề xuất biện pháp vận dụng kỹ thuật phòng tranh hiệu quả trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2

VẬN DỤNG KỸ THUẬT PHÒNG TRANH TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

2.1. Nguyên tắc vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học ở tiểu học

2.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu bài học

Đảm bảo mục tiêu bài học có nghĩa là khi sử dụng các KTDH trong quá trình dạy học phải phù hợp với mục tiêu của bài học. Tùy vào từng nội dung bài học, trình độ nhận thức của HS, điều kiện và cơ sở vật chất của nhà trường,... để có thể lựa chọn các kỹ thuật dạy học phù hợp nhằm đạt được mục tiêu của bài học [24, tr.18].

Do vậy, mỗi hoạt động tổ chức bằng kỹ thuật phòng tranh phải hướng đến việc đạt được mục tiêu cụ thể của bài học, bao gồm yêu cầu cần đạt về kiến thức, về năng lực và phẩm chất cần phát triển cho học sinh. Mục tiêu đó cần rõ ràng, đo lường được và được thể hiện qua sản phẩm học tập.

Ví dụ: Ở hoạt động 2 “Tìm hiểu về ngày kỉ niệm của gia đình em”, bài 1: Họ hàng và những ngày kỉ niệm của gia đình. Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh vẽ hoặc viết về một ngày kỉ niệm đáng nhớ của gia đình (sinh nhật, đám cưới bố mẹ, chuyến đi chơi...). Việc tổ chức hoạt động dạy học bằng kỹ thuật phòng tranh hướng tới mục tiêu: học sinh nêu được tên, thời gian và ý nghĩa của ngày kỉ niệm, đồng thời góp phần hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác, phẩm chất trách nhiệm với gia đình.

2.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức

Đảm bảo tính vừa sức là đảm bảo trong quá trình dạy học GV cần đưa ra những yêu cầu học tập, những nhiệm vụ phù hợp với mọi HS trong lớp về trí tuệ, năng lực. Việc lựa chọn và vận dụng kỹ thuật dạy học phải căn cứ vào đặc điểm phát triển tâm lý và nhận thức của học sinh, tránh giao nhiệm vụ học tập vượt quá nhận thức và tâm lý của học sinh.

Học sinh lớp 3 có tư duy trực quan – hình tượng, yêu thích các hoạt động sáng tạo, hợp tác, nhưng còn hạn chế trong khả năng tự tổ chức. Vì vậy, kỹ thuật

phòng tranh phải được tổ chức vừa sức với đặc điểm tâm lí, nhận thức của học sinh và cần có sự hướng dẫn từng bước của giáo viên [25, tr.52].

Ví dụ: Ở hoạt động 2 “Tìm hiểu về ngày kỉ niệm của gia đình em”, bài 1: Họ hàng và những ngày kỉ niệm của gia đình. Khi giao nhiệm vụ vẽ sơ đồ họ hàng, giáo viên không yêu cầu học sinh phải nhớ đầy đủ tên, tuổi tất cả thành viên, mà khuyến khích các em thể hiện theo khả năng cá nhân: có thể vẽ bằng hình mặt cười, dán ảnh, ghi tên ông bà, cha mẹ, cô dì... Học sinh vừa hứng thú, vừa được khuyến khích thể hiện bản thân.

2.2.3. Nguyên tắc đảm bảo phát huy tính tích cực của học sinh

Nguyên tắc này đòi hỏi khi vận dụng các KTDH tích cực cần khuyến khích sự tham gia chủ động của học sinh, tạo cơ hội để các em được thảo luận, chia sẻ ... từ đó phát triển năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp [40, tr.40]. Kỹ thuật phòng tranh cần tạo cơ hội để học sinh được chủ động thực hiện, được trao đổi với bạn, cùng xây dựng sản phẩm và tự đánh giá. Điều này phù hợp với định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của chương trình GDPT 2018. Để thực hiện tốt nguyên tắc này, đòi hỏi người GV cần phải tiến hành một cách rõ ràng, dễ hiểu để kích thích hứng thú học tập của HS.

Ví dụ: Ở hoạt động 2 “Tìm hiểu về ngày kỉ niệm của gia đình em”, bài 1: Họ hàng và những ngày kỉ niệm của gia đình. Học sinh chia nhóm, mỗi nhóm chọn một ngày kỉ niệm chung hoặc riêng, thể hiện nội dung bằng tranh, dán ảnh, hoặc kể câu chuyện. Sau đó trưng bày sản phẩm, các nhóm tham quan – phản hồi – chia sẻ. Qua đó, học sinh rèn khả năng giao tiếp, tự tin trình bày, đồng thời hiểu thêm về gia đình bạn.

2.2.4. Nguyên tắc phù hợp với điều kiện thực tế và linh hoạt tổ chức

Việc vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực cần phù hợp với điều kiện thực tiễn về cơ sở vật chất, đối tượng học sinh, thời lượng tiết học để đảm bảo hiệu quả sư phạm. Do vậy, khi vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học cần phải phù hợp với không gian lớp học, thời lượng tiết học, và đồ dùng sẵn có. Giáo viên cần linh hoạt điều chỉnh nội dung và hình thức tổ chức để đảm bảo tính khả thi [26, tr.25].

Ví dụ: bài 1: Họ hàng và những ngày kỉ niệm của gia đình. Nếu lớp học không đủ không gian để treo tranh, giáo viên có thể tổ chức theo hình thức “phòng tranh tại chỗ”: các nhóm dán tranh lên bàn, các nhóm khác lần lượt đi tham quan theo thứ tự. Hoặc, nếu không có giấy A3, học sinh có thể sử dụng giấy vở, giấy A4 để tiết kiệm thời gian chuẩn bị.

Việc vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3 cần được thực hiện dựa trên các nguyên tắc sư phạm phù hợp, đảm bảo tính hiệu quả và phát triển toàn diện cho học sinh. Khi được tổ chức hợp lý, kỹ thuật này không chỉ giúp học sinh hứng thú học tập, mà còn góp phần hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, tư duy sáng tạo và tình cảm gắn bó với gia đình, cộng đồng. Điều này hoàn toàn đúng với định hướng giáo dục phẩm chất và năng lực của Chương trình GDPT 2018.

2.2. Quy trình vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3

2.1.1. Quy trình

Dựa trên các tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và các nghiên cứu liên quan đến phương pháp dạy học tích cực, đặc biệt là kỹ thuật phòng tranh, chúng tôi xây dựng quy trình dạy học theo kỹ thuật này trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 gồm 4 bước cơ bản như sau:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

Ở bước đầu tiên, giáo viên đóng vai trò là người tổ chức và điều phối hoạt động học tập. Cụ thể:

Giáo viên xác định mục tiêu bài học, lựa chọn nội dung phù hợp với kỹ thuật phòng tranh.

Phân chia học sinh thành các nhóm hoặc giao nhiệm vụ cá nhân, tùy theo đặc điểm lớp học và nội dung bài.

Mỗi nhóm/cá nhân được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể. Nhiệm vụ này có thể:

Giống nhau cho tất cả các nhóm, giúp học sinh cùng tìm hiểu một khía cạnh để có nhiều góc nhìn khác nhau.

Khác nhau giữa các nhóm, nhằm phân công nghiên cứu nhiều chủ đề nhỏ trong cùng một bài học.

Bước 2: Học sinh tạo “tranh”

Đây là bước học sinh chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện nội dung đã tìm hiểu thông qua việc thiết kế sản phẩm học tập – gọi là “tranh”.

“Tranh” ở đây được hiểu theo nghĩa rộng: không chỉ là hình vẽ mà bao gồm:

- Sơ đồ tư duy
- Bảng phụ trình bày nội dung
- Poster minh họa
- Mô hình đơn giản (bằng giấy, đất nặn...)
- Phiếu học tập có ghi ý chính
- Ghi chép sáng tạo trong vở...

Các nhóm thảo luận, phân công công việc, tìm kiếm thông tin (sách giáo khoa, thiết bị học tập, tranh ảnh...) và thiết kế sản phẩm.

Sau khi hoàn thành, học sinh trưng bày sản phẩm ở các vị trí phù hợp:

Trên tường lớp, trên bảng nhóm, hoặc trên mặt bàn đã được sắp xếp.

Tùy vào điều kiện lớp học có thể chọn:

- Tranh cố định, người di chuyển: Tranh dán tại chỗ, học sinh đi xem.
- Tranh di chuyển, người cố định: Học sinh ngồi tại chỗ, các nhóm lần lượt mang tranh đến giới thiệu.

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

- Đây là bước trung tâm của kỹ thuật phòng tranh, giúp học sinh học hỏi lẫn nhau, phát triển năng lực giao tiếp, đánh giá và tư duy phản biện.

- Giáo viên có thể tổ chức hoạt động xem tranh theo các hình thức:

Xem tranh tự do:

- Học sinh được di chuyển tự do trong lớp trong một khoảng thời gian nhất định.
- Các em xem tranh của các nhóm khác, có thể đánh giá bằng phiếu bình chọn hoặc sticker yêu thích.
- Ghi lại cảm nhận vào vở hoặc phiếu cá nhân.

Xem tranh theo trạm:

- Giáo viên chia lớp thành nhóm nhỏ, di chuyển theo sơ đồ các “trạm trưng bày”.

- Tại mỗi trạm, học sinh xem tranh, trao đổi và ghi nhận xét, câu hỏi vào phiếu chung hoặc cá nhân.

Ghi chú những điểm học hỏi được từ nhóm khác.

Xem tranh có thuyết trình:

- Mỗi nhóm cử một đại diện ở lại thuyết trình sản phẩm.

- Các nhóm khác lần lượt đến từng “phòng tranh”, lắng nghe trình bày, đặt câu hỏi, và góp ý.

- Đại diện nhóm thuyết trình cần giải thích rõ ý tưởng, nội dung tranh, phản hồi các câu hỏi hoặc góp ý.

Bước 4: Tổng kết

Sau khi kết thúc hoạt động tham quan và trao đổi:

Các nhóm trở về vị trí, cùng nhau thảo luận lại những ý kiến góp ý, thắc mắc mà nhóm bạn đã đặt ra.

Từ đó, các nhóm có thể:

Tiếp thu góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm.

Phản biện, bảo vệ ý tưởng nếu không đồng tình, giúp phát triển tư duy phản biện và lập luận.

Cuối cùng, giáo viên tổng kết toàn bộ hoạt động:

- Nhấn mạnh những kiến thức cốt lõi qua sản phẩm học sinh trình bày.

- Ghi nhận sự cố gắng, sáng tạo của học sinh.

- Chốt lại nội dung bài học bằng cách hệ thống hóa thông tin chính.

2.2.2. Ví dụ minh họa

Hoạt động 1, trang 6 SGK, bài 1: Họ hàng và những ngày kỉ niệm của gia đình: Tìm hiểu họ hàng bên nội và họ hàng bên ngoại, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam)

* Mục tiêu:

- Học sinh nêu được mối quan hệ họ hàng nội, ngoại

- Học sinh xưng hô đúng với các thành viên trong gia đình thuộc họ nội, họ ngoại.

* Cách tiến hành:

Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 5-6 HS.

GV giao nhiệm vụ: nhiệm vụ của mỗi nhóm là nghiên cứu thông tin mục 1, trang 6 sgk. Hãy hoàn thành PHT số 01, thời gian: 7 phút

PHT SỐ 1: TÌM HIỂU MỐI QUAN HỆ HỌ HÀNG BÊN NỘI VÀ BÊN NGOẠI

Cho các bức tranh dưới đây:



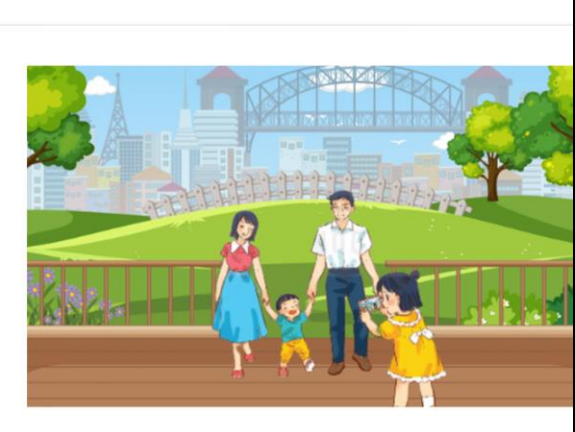
Hình 1: Ông bà nội của Hoa



Hình 4: Gia đình anh trai của bố Hoa



Hình 2: Gia đình em gái bố Hoa



Hình 5: Gia đình em trai của mẹ Hoa



Hình 3: Ông bà ngoại của Hoa



Hình 6: Gia đình em gái của mẹ Hoa

PHT SỐ 1: TÌM HIỂU MỐI QUAN HỆ HỌ HÀNG BÊN NỘI VÀ BÊN NGOẠI

Yêu cầu: Hãy sắp xếp các bức tranh dưới đây vào dưới đây vào bảng họ hàng bên nội, bên ngoại và trả lời các câu hỏi

1. Sắp xếp các bức tranh vào bảng sao cho phù hợp với mối quan hệ họ hàng

Họ hàng bên nội	Họ hàng bên ngoại

2. Dựa vào bảng sắp xếp hãy trả lời câu hỏi sau:	
CH1: Những người nào là họ hàng bên nội?	CH3: Những người nào là họ hàng bên ngoại?
CH2: Họ hàng bên nội là:	CH4: Họ hàng bên ngoại là:
3. Sử dụng các từ gợi ý dưới đây để điền vào chỗ trống sao cho phù hợp: Các từ gợi ý: Bác trai; bác gái; anh chị họ; Cô; Chú; em họ; Dì; Thím, Cậu	
a. Anh trai của bố là b. Vợ của bác trai gọi là: c. Các con của hai bác gọi là..... d. Em trai của bố gọi là e. Vợ của em trai bố gọi là	g. Em gái của mẹ gọi là h. Chồng của em gái mẹ gọi là k. Các con của dì chú gọi là l. Em trai của mẹ gọi là

Bước 2: Học sinh “tạo tranh”

Học sinh thực hiện nhiệm vụ “tạo tranh”: HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm để hoàn thành PHT số 01, thời gian: 10 phút.

HS trưng bày sản phẩm lên tường ở vị trí của nhóm được GV phân công (có thể treo trên tường, treo lên bảng ...).

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

GV yêu cầu các nhóm cử đại diện hoặc GV gọi ngẫu nhiên đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.

Các nhóm khác đặt câu hỏi, nêu cảm nhận hoặc góp ý (nếu có). GV khuyến khích học sinh ghi lại những cảm nghĩ và điều học được từ nhóm bạn; hoặc học sinh có thể nhận xét tranh của nhóm bạn theo mẫu phiếu GV thiết kế.

PHIẾU NHẬN XÉT TRANH

Tên nhóm nhận xét:

Tên nhóm được nhận xét:

Em hãy tích dấu ✓ vào mỗi nhận xét cho các câu hỏi dưới đây

1. ☒ **Sản phẩm có đầy đủ nội dung yêu cầu không?**

☐ Có ☐ Chưa rõ ☐ Thiếu nhiều

2. ☒ **Phân loại và gọi tên đúng họ hàng bên nội – bên ngoại?**

☐ Đúng ☐ Có chỗ chưa rõ ☐ Sai

3. 🧠 **Trình bày đẹp, dễ hiểu, sáng tạo?**

☐ Rất đẹp ☐ Bình thường ☐ Cần cải thiện

4. 💬 **Bạn thuyết trình rõ ràng, dễ hiểu?**

☐ Rất tốt ☐ Tạm được ☐ Còn lúng túng

5. **Em học được gì từ sản phẩm của nhóm bạn?**

.....
.....
.....

Bước 4: Tổng kết

Các nhóm trao đổi lại trong nhóm về góp ý và câu hỏi từ bạn.

Đại diện từng nhóm chia sẻ lại một điều nhóm mình học được từ nhóm bạn.

Giáo viên tổng hợp ý kiến, nhận xét chung và chốt lại kiến thức:

- + Ai là họ hàng bên nội, ai là bên ngoại?
- + Mỗi quan hệ và tình cảm trong gia đình.
- + Cách xưng hô với các thành viên trong gia đình thuộc họ nội, họ ngoại

2.3. Vận dụng kỹ thuật phòng tranh để tổ chức dạy học chủ đề “Gia đình” và chủ đề “Trường học”, môn Tự nhiên và Xã hội 3

2.3.1. Lựa chọn bài trong chủ đề “Gia đình” và chủ đề “Trường học”, môn Tự nhiên và Xã hội 3

Sau khi nghiên cứu về nội dung chương trình Tự nhiên và Xã hội 3; sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 3, bộ kết nối tri thức và cuộc sống; kỹ thuật phòng tranh trong dạy học. Tôi đã lựa chọn được các bài trong 2 chủ đề để vận dụng kỹ thuật phòng tranh vào trong quá trình dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3. Kết quả lựa chọn được thể hiện ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Thống kê các bài học được lựa chọn để vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học

Stt	Tên bài	Số tiết (dự kiến)	Nội dung Vận dụng KT phòng tranh	Tiến trình dạy học			
				Khởi động	Khám phá	Thực hành (Luyện tập)	Vận dụng
1	Bài 1: Họ hàng và những ngày kỉ niệm của gia đình	3	Họ hàng bên nội, bên ngoại	x	x		
			Cách xưng hô với các thành viên trong gia			x	x

			đình thuộc họ hàng bên nội, bên ngoại				
2	Bài 2: Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà	2	Nguyên nhân dẫn đến cháy nhà và thiệt hại có thể xảy ra do hỏa hoạn		x		
			Cách ứng xử phù hợp trong tình huống có cháy xảy ra		x		
3	Bài 3: Vệ sinh xung quanh nhà ở	2	Kể tên một số việc làm để giữ vệ sinh xung quanh nhà ở và lợi ích của những việc làm đó		x		
			Những việc nên làm hoặc không nên làm để giữ vệ sinh nhà cửa	x		x	
			Tuyên truyền để mọi người cùng thực hiện vệ sinh xung quanh nhà				x

4	Bài 6: Truyền thống trường em	2	Tìm hiểu truyền thống nhà trường	x		x	x
5	Bài 7: Giữ an toàn và vệ sinh trường học	3				x	
6	Bài 8: Ôn tập chủ đề trường học						

2.3.2. Vận dụng quy trình kỹ thuật phòng tranh để tổ chức dạy học một số nội dung trong chủ đề “Gia đình” và chủ đề “Trường học”

BÀI 1: HỌ HÀNG VÀ NHỮNG NGÀY KỈ NIỆM CỦA GIA ĐÌNH

Hoạt động 1: Hoạt động khởi động

*** Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế vui tươi, phấn khởi và thoải mái để học sinh bước vào tiết học
- Gắn kết nội dung bài học mới

*** Cách tiến hành:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

GV: yêu cầu học sinh làm việc cá nhân để trả lời 02 câu hỏi vào giấy note.

GV: Sau khi HS hoàn thành nhiệm vụ cá nhân. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4 HS. Thảo luận, thống nhất nội dung và ghi vào phiếu học tập phần ý kiến thống nhất của nhóm. Các giấy note

PHT SỐ 01: TÌM HIỂU VỀ GIA ĐÌNH MÌNH			
 Họ và tên HS: _____ _____ _____ _____ _____	 Họ và tên HS: _____ _____ _____ _____ _____	 Họ và tên HS: _____ _____ _____ _____ _____	 Họ và tên HS: _____ _____ _____ _____ _____
Ý KIẾN THỐNG NHẤT CỦA NHÓM			

1. Em hãy điền từ còn thiếu vào ô trống sao cho phù hợp với cách xưng hô trong gia đình.	
GIA ĐÌNH BÊN	GIA ĐÌNH BÊN
- Bố, mẹ của bố em được gọi là - Anh trai của bố em được gọi là - Vợ của anh trai bố em được gọi là - Các con của anh trai bố em được gọi là	- Bố, mẹ của mẹ em được gọi là - Em trai của mẹ em được gọi là - Vợ của em trai mẹ em được gọi là - Các con của em trai mẹ em được gọi là
2. Em thường làm gì để thể hiện tình cảm với những người trong gia đình bên nội, bên ngoại mình.	

Bước 2: Học sinh “tạo tranh”

HS: trả lời 2 câu hỏi vào giấy note

HS: thảo luận nhóm 4 để thống nhất ý kiến và ghi vào PHT giáo viên phát

HS: treo “tranh” lên bảng theo vị trí GV phân công

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

Giáo viên lựa chọn hình thức "xem tranh theo trạm" có kết hợp thuyết trình – phù hợp với hoạt động khởi động, tạo không khí sôi nổi, tương tác cao.

Các bước cụ thể:

(1) Ổn định lớp – hướng dẫn cách di chuyển:

Giáo viên yêu cầu mỗi nhóm cử 01 bạn đại diện ở lại tại vị trí trưng bày để trình bày sản phẩm (phiếu học tập số 01 của nhóm).

Các thành viên còn lại sẽ di chuyển theo sơ đồ mà giáo viên hướng dẫn, lần lượt đến xem “tranh” của các nhóm bạn

(2) Quan sát và thảo luận tại mỗi trạm:

- Khi đến mỗi “trạm”, học sinh:

+ Lắng nghe phần trình bày của đại diện nhóm bạn về nội dung đã làm (điền từ trong sơ đồ gia đình và cách thể hiện tình cảm với người thân).

+ Quan sát kỹ nội dung trên phiếu học tập được dán/trưng bày.

+ Đặt câu hỏi, nhận xét hoặc góp ý nhẹ nhàng nếu có điều chưa rõ hoặc muốn hiểu thêm.

+ Ghi lại một điều thú vị hoặc mới mẻ mà nhóm mình học được từ nhóm bạn vào vở ghi cá nhân hoặc phiếu quan sát do giáo viên chuẩn bị.

(3) Luân chuyển nhóm:

Sau 3–5 phút, khi có hiệu lệnh của giáo viên, các nhóm di chuyển đến “trạm” tiếp theo và lặp lại quy trình như trên cho đến khi xem hết sản phẩm của các nhóm.

(4) Quay trở lại vị trí, chia sẻ nhanh:

- Sau khi hoàn thành việc “xem tranh”, học sinh trở lại chỗ ngồi.

- Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ nhanh:

+ Em thích sản phẩm nào? Vì sao?

+ Em học được điều gì từ nhóm bạn?

+ Có gì làm em bất ngờ hoặc ấn tượng?

Bước 4: Tổng kết

(1) Học sinh trở về vị trí chỗ ngồi.

Giáo viên mời một vài đại diện nhóm chia sẻ nhanh:

Em cảm thấy nhóm mình đã làm tốt điều gì?

Nhóm bạn nào khiến em ấn tượng nhất? Vì sao?

Em học được điều gì mới qua phần xem “tranh”?

(2) Giáo viên nhận xét – khích lệ – kết nối bài học:

Lời nhận xét của giáo viên:

“Cô rất vui khi thấy các con tham gia hoạt động rất sôi nổi và hợp tác tích cực. Nhiều nhóm đã làm việc nhóm hiệu quả, trình bày ý kiến rõ ràng, nội dung đúng và đẹp mắt. Cô đặc biệt ấn tượng với cách các con hiểu và thể hiện sự gắn bó, tình cảm với ông bà, cha mẹ, cô chú trong gia đình nội và ngoại. Điều đó cho thấy các con rất yêu thương gia đình của mình.

Cô cũng ghi nhận tinh thần học hỏi của các bạn khi đi xem tranh – nhiều bạn đã đặt câu hỏi rất hay và lắng nghe rất chăm chú.

Qua hoạt động khởi động hôm nay, chúng ta không chỉ được ôn lại cách xưng hô trong gia đình mà còn học thêm cách thể hiện tình cảm, sự yêu thương với những người thân yêu. Và ngay bây giờ, chúng ta sẽ cùng bước vào bài học mới để tìm hiểu sâu hơn về bài học, xem gia đình có vai trò gì trong cuộc sống của chúng ta nhé!”

Hoạt động 3: Hoạt động thực hành: Cách xưng hô với các thành viên trong gia đình thuộc họ hàng bên nội, bên ngoại

*** Mục tiêu:**

- HS nêu được cách xưng hô của Hoa với các thành viên họ hàng bên nội và bên ngoại theo sơ đồ.
- HS biết cách xưng hô đúng với các thành viên họ hàng bên nội và bên ngoại của mình.

*** Cách tiến hành:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

GV: Chia lớp thành các nhóm có từ 4-6 HS. Thảo luận nhóm 4 theo đề hoàn thành PHT số 02:

PHT SỐ 02: CÁCH XƯNG HÔ VỚI CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH THUỘC HỌ HÀNG BÊN NỘI, BÊN NGOẠI

Yêu cầu: Học sinh làm việc theo nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới đây.

NV1: Hãy đóng vai là bạn Hoa, em hãy xưng hô với các thành viên trong gia đình thuộc họ hàng bên nội, bên ngoại bằng cách điền vào dấu hỏi chấm (?) trên sơ đồ.



NV2: Hãy chia sẻ về các thành viên trong gia đình họ hàng bên nội, bên ngoại của mình với các bạn trong nhóm. Cụ thể

- Gia đình bên nội của em gồm:

.....
.....

- Gia đình bên ngoại của em gồm:

.....
.....

Bước 2: Học sinh “tạo tranh”

Học sinh thực hiện nhiệm vụ “tạo tranh”: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu GV ghi trên PHT để hoàn thành nội dung trên PHT số 01.

HS treo sản phẩm lên bảng/ lên tường theo vị trí GV phân công.

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

(1) Giáo viên điều hành hoạt động báo cáo:

Sau khi các nhóm đã hoàn thành PHT số 02 và treo “tranh” lên bảng/tường theo vị trí đã phân công, giáo viên tổ chức hoạt động trình bày theo hình thức báo cáo nhóm kết hợp đánh giá lẫn nhau.

GV: quay số gọi ngẫu nhiên thành viên của các nhóm lên báo cáo về 1 trong các nội dung trong “tranh” của nhóm đã làm.

(2). Học sinh trình bày sản phẩm:

Học sinh đại diện nhóm trình bày miệng kết quả làm việc của nhóm dựa trên nội dung đã ghi trong PHT số 02:

Đọc và giải thích cách xưng hô mà nhóm đã điền cho nhân vật “bạn Hoa”.

Chia sẻ nội dung về gia đình bên nội, bên ngoại của các thành viên trong nhóm.

Làm rõ các từ xưng hô, nếu có thể liên hệ với hoàn cảnh thực tế của các bạn trong nhóm.

Các bạn trong lớp lắng nghe tích cực và chuẩn bị phản hồi.

(3). Nhận xét theo kỹ thuật 3:2:1:

Ngay sau mỗi phần trình bày, giáo viên yêu cầu các nhóm khác sử dụng kỹ thuật phản hồi 3:2:1, cụ thể:

3 điều học được từ phần trình bày của nhóm bạn.

2 điều góp ý để nhóm trình bày làm tốt hơn.

1 câu hỏi đặt cho nhóm vừa báo cáo (có thể hỏi về từ xưng hô, hoàn cảnh gia đình, hoặc sự khác biệt vùng miền...).

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG: CÁCH XUNG HÔ VỚI CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH THUỘC HỌ HÀNG BÊN NỘI, BÊN NGOẠI		
Tên nhóm đánh giá:		
Tên nhóm được đánh giá:		
1. Hình thức trình bày		
Tiêu chí	Điểm	Điểm đánh giá
Báo cáo rõ ràng, lưu loát các nội dung trên PHT	1	
Thực hiện đầy đủ 2 nhiệm vụ học tập trên phiếu	1	
Chữ viết đẹp, rõ ràng và sạch sẽ	1	
2. Nội dung		
Xưng hô đúng với các thành viên trong gia đình Hoa.	3	
Đại diện nhóm chia sẻ rõ ràng về thành viên trong gia đình họ hàng bên nội, bên ngoại của mình.	3	
Giải đáp được câu hỏi của nhóm bạn	1	
Tổng	10	

Bước 4: Tổng kết

(1). Giáo viên nhận xét hoạt động học tập của học sinh:

“Cô rất hoan nghênh tinh thần làm việc nghiêm túc, tích cực của các nhóm trong suốt quá trình thực hành. Nhiều nhóm đã có sự phân công hợp lý, làm việc

hợp tác và thể hiện rõ trách nhiệm cá nhân trong nhóm. Phần trình bày của các nhóm cũng rất rõ ràng, tự tin và mạch lạc.

Cô đặc biệt đánh giá cao một số nhóm không chỉ hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ mà còn biết liên hệ thực tế với gia đình của chính mình, điều đó cho thấy các con đã hiểu và vận dụng bài học vào cuộc sống.”

GV nhận xét về tinh thần, ý thức các nhóm trong quá trình làm việc, báo cáo.

(2) Giáo viên tổng hợp ý kiến, nhận xét chung và chốt lại kiến thức:

- Thành viên trong gia đình bên nội Hoa: ông nội – bà nội (bố mẹ của bố Hoa); bác trai – bác gái (anh trai và vợ của anh trai bố Hoa, theo cách gọi của người miền Bắc); anh – chị họ (con của bác trai và bác gái)
- Thành viên gia đình bên ngoại Hoa: ông ngoại – bà ngoại (bố, mẹ của mẹ Hoa); dì – chú (em gái và chồng của em gái của mẹ Hoa, theo cách gọi của người miền Bắc); em họ (con của dì – chú).

GV nhận xét: Qua bài học hôm nay, cô mong các con đã nắm được cách xưng hô đúng trong gia đình và biết trân trọng, thể hiện tình cảm với những người thân yêu của mình. Đây không chỉ là kiến thức, mà còn là văn hóa, là truyền thống quý báu của dân tộc ta.

Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng: Cách xưng hô với các thành viên trong gia đình thuộc họ hàng bên nội, bên ngoại

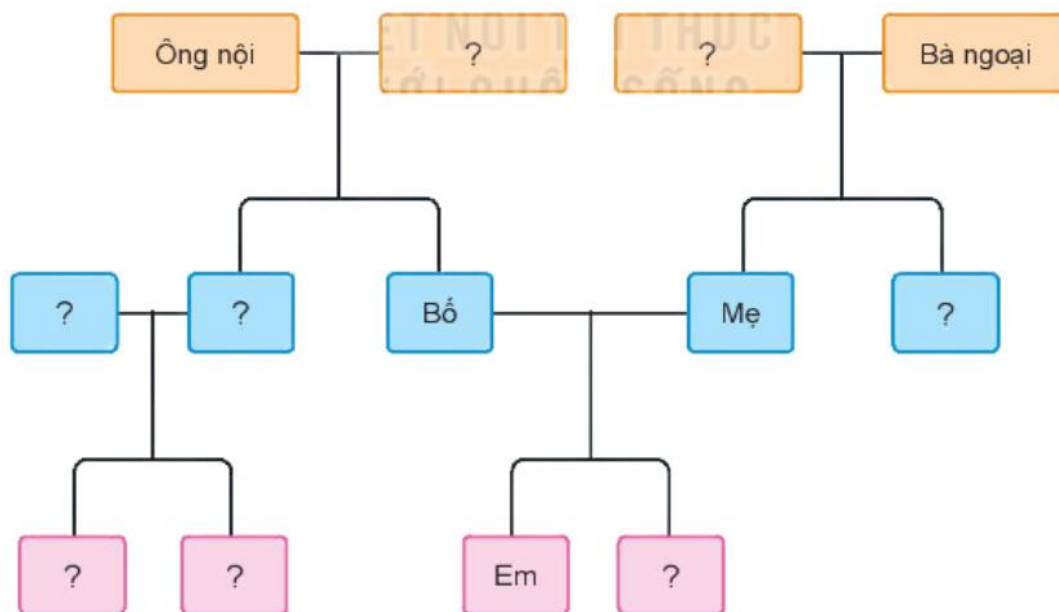
*** Mục tiêu:**

- HS biết cách xưng hô đúng với các thành viên họ hàng bên nội và bên ngoại của mình.

*** Cách tiến hành:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

GV: yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. HS dán ảnh hoặc vẽ tranh và ghi chú thích cách xưng hô cho các thành viên trong gia đình thuộc họ hàng bên nội, bên ngoại của mình theo sơ đồ dưới đây:



Bước 2: Học sinh “tạo tranh”

Học sinh thực hiện nhiệm vụ “tạo tranh”: HS dán ảnh hoặc vẽ ảnh các thành viên trong gia đình bên nội, bên ngoại của mình

HS mang tranh lên lớp để báo cáo, chia sẻ với các bạn vào đầu tiết học sau.

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

(1). Hình thức chia sẻ linh hoạt (tùy vào quy mô lớp học):

Giáo viên lựa chọn một trong hai hình thức sau tùy theo điều kiện lớp:

Hình thức A: Trình bày trước lớp (Toàn thể)

Giáo viên chọn một số học sinh đại diện mang tranh lên trình bày trước lớp.

Mỗi em sẽ:

Giới thiệu sơ đồ gia đình bên nội và bên ngoại.

Giải thích cách xưng hô với từng người theo sơ đồ (dựa trên ảnh hoặc tranh vẽ kèm chú thích).

Nêu cảm nhận hoặc câu chuyện ngắn về một người thân để tăng tính cá nhân, sinh động.

Hình thức B: Chia sẻ theo nhóm nhỏ (Nhóm 4 học sinh)

Cả lớp chia thành các nhóm 4 học sinh.

Mỗi bạn lần lượt giới thiệu tranh của mình cho các bạn trong nhóm:

Ai là ông bà nội, bác, cô, dì, chú...

Em gọi người đó là gì? (Ví dụ: bác cả, dì út...)

Các bạn trong nhóm có thể đặt câu hỏi, đưa ra lời khen hoặc góp ý nhẹ nhàng cho nhau.

(2). Giáo viên hướng dẫn quan sát và phản hồi:

Giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng bảng quan sát hoặc phiếu cảm nhận gắn với các câu hỏi gợi ý:

Em học được gì từ phần trình bày của bạn?

Bạn gọi các thành viên trong gia đình như thế nào?

Em thấy có điểm nào giống hoặc khác với gia đình em?

Khuyến khích học sinh:

Khen ngợi cách trình bày rõ ràng, sinh động.

Góp ý chân thành nếu có điểm chưa hợp lý về cách xưng hô.

Nêu ra sự khác biệt vùng miền nếu có (ví dụ: "chú" ở miền Bắc có thể gọi là "cậu" ở miền Nam...).

Bước 4: Tổng kết

Sau khi hoàn tất phần chia sẻ, giáo viên:

Nhận xét tinh thần tham gia, sự sáng tạo và tình cảm của học sinh dành cho gia đình.

Nhấn mạnh rằng mỗi gia đình có thể có cách xưng hô khác nhau, nhưng điều quan trọng là:

Biết cách gọi phù hợp.

Tôn trọng, yêu thương và giữ gìn truyền thống gia đình.

Gợi mở rằng bài học này không chỉ giúp các em biết cách xưng hô đúng, mà còn giúp các em hiểu hơn về vai trò và tình cảm trong gia đình.

(1) Nhận xét của giáo viên:

“Cô rất vui khi thấy hôm nay các con mang đến lớp những bức tranh và hình ảnh đầy ý nghĩa về gia đình của mình. Có bạn vẽ rất sáng tạo, có bạn sưu tầm ảnh thật, và quan trọng nhất là tất cả các con đều thể hiện được sự yêu thương, gắn bó với ông bà, cô chú, dì dượng và các anh chị em trong đại gia đình của mình.

Qua phần trình bày, cô nhận thấy các con đã hiểu được cách xưng hô với từng người thân trong gia đình theo đúng vai vế, đồng thời biết chia sẻ những câu chuyện đáng nhớ, ấm áp về ông bà, bố mẹ hay các em nhỏ.”

(2). Chốt kiến thức và giá trị giáo dục:

“Qua hoạt động hôm nay, chúng ta không chỉ học về cách xưng hô đúng với các thành viên bên nội, bên ngoại, mà còn học cách giữ gìn truyền thống, văn hóa gia đình Việt Nam.

Dù mỗi vùng miền có thể gọi khác nhau – như ‘dì’ ở miền Bắc có thể là ‘cô’ ở miền Trung – nhưng điều quan trọng nhất là chúng ta biết tôn trọng, yêu quý và ứng xử đúng mực với người thân.

Cô mong rằng, sau bài học này, mỗi bạn nhỏ trong lớp sẽ về nhà và thể hiện tình cảm của mình với gia đình bằng những hành động nhỏ: một lời hỏi thăm, một cái ôm, hay đơn giản là giúp ông bà, cha mẹ những việc nhỏ mỗi ngày. Vì gia đình luôn là nơi yêu thương bắt đầu và không bao giờ kết thúc.”

BÀI 2: PHÒNG TRÁNH HỎA HOẠN KHI Ở NHÀ

Hoạt động 2: Hoạt động khám phá: Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến cháy nhà

*** Mục tiêu:**

- Học sinh nêu được các nguyên nhân phổ biến dẫn đến cháy nhà như: chập điện, lửa từ bếp gas, thiết bị điện hỏng, hành động thiếu cẩn trọng.
- Phát hiện được một số vật dễ gây cháy nổ.

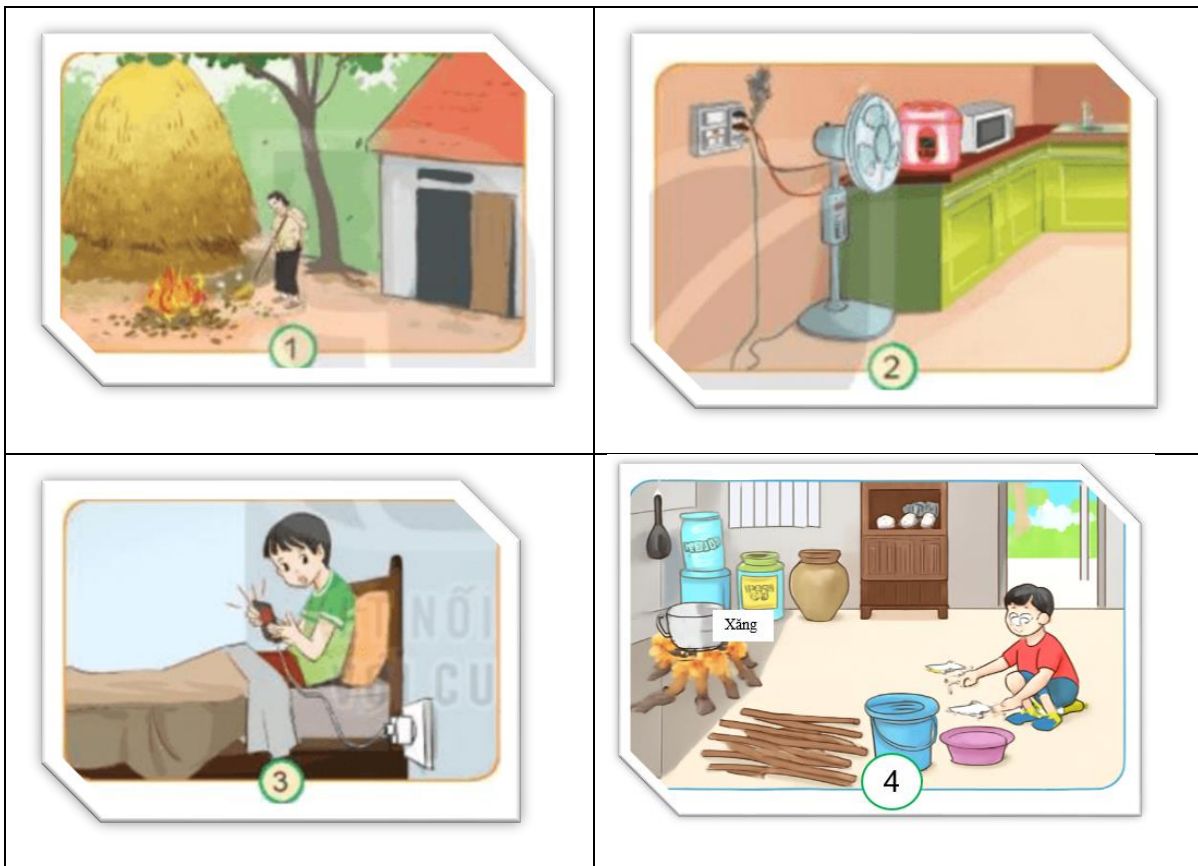
*** Cách tiến hành:**

Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ

GV phát cho mỗi HS 1 bức tranh. Yêu cầu HS quan sát bức tranh và trả lời 02 câu hỏi:

CH1: Mô tả điều có thể xảy ra trong bức tranh mình quan sát.

CH2: Bức tranh đề cập đến nguyên nhân nào có thể dẫn đến cháy nhà?



GV: sau khi HS hoàn thành nhiệm vụ cá nhân. GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 HS và để trả lời câu hỏi:

CH1: Hãy cho biết các nguyên nhân dẫn đến cháy nhà?

CH2: Ngoài các nguyên nhân được đề cập ở trong bức tranh, hãy kể ra ít nhất 2 nguyên nhân khác có thể gây cháy nhà.

Bước 2: HS “tạo tranh”

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân với bức tranh mà GV phát.

HS thực hiện nhiệm vụ nhóm để thảo luận và trả lời 02 câu hỏi vào vở ghi.

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

(1). Tổ chức luân chuyển “tranh” giữa các nhóm:

Sau khi các nhóm hoàn thành phần thảo luận và ghi nội dung trả lời 2 câu hỏi vào vở ghi, giáo viên:

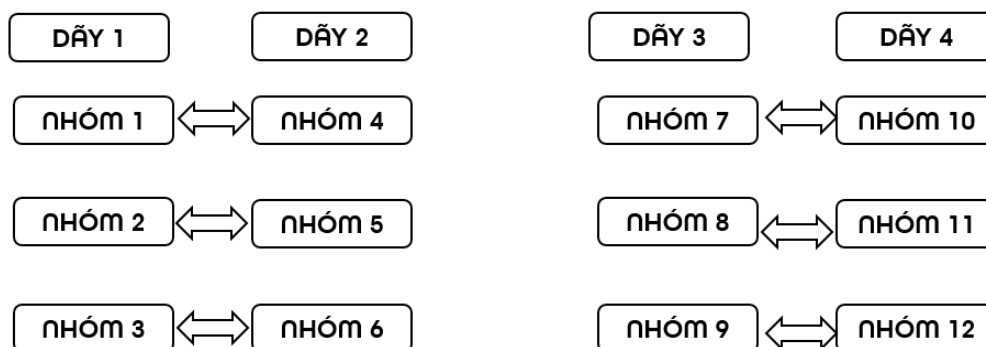
Vẽ sơ đồ di chuyển nhóm trên bảng (ví dụ: nhóm 1 chuyển vở cho nhóm 2, nhóm 2 cho nhóm 3... theo vòng tròn).

Yêu cầu mỗi nhóm chuyển vở ghi của nhóm mình đến nhóm bạn theo sơ đồ.

Mỗi nhóm đọc kỹ nội dung trong vở của nhóm bạn và thực hiện 2 nhiệm vụ:

Nhận xét nội dung: kiểm tra câu trả lời có đúng, đủ và rõ ràng không.

Bổ sung ý kiến nếu cần thiết, đặc biệt nếu nhóm bạn bỏ sót nguyên nhân gây cháy nhà hoặc mô tả chưa đúng với tình huống trong tranh.



(2). Quan sát tranh kèm nhận diện nguyên nhân cháy nổ:

Giáo viên nhấn mạnh học sinh cần nhận biết một số vật hoặc tình huống dễ gây cháy thường gặp trong tranh

(3). Trình bày “tranh” của nhóm:

Sau khi các nhóm đã “xem tranh” của bạn, giáo viên quay số ngẫu nhiên để gọi học sinh từ các nhóm lên trình bày nội dung “tranh” (vở ghi) mà nhóm mình đang cầm.

Học sinh cần báo cáo:

Tóm tắt tình huống cháy có thể xảy ra trong bức tranh ban đầu.

Xác định nguyên nhân gây cháy được nhóm bạn nêu ra.

Nêu ý kiến bổ sung nếu nhóm mình phát hiện điều chưa hợp lý trong nội dung của nhóm bạn.

(4). Giáo viên điều hành – hỗ trợ – điều chỉnh:

Giáo viên lắng nghe, hỗ trợ học sinh trình bày, làm rõ nguyên nhân cháy nổ nếu có sai sót.

Nhắc học sinh không chê bai sản phẩm của bạn, mà cần góp ý mang tính xây dựng, tập trung vào nội dung kiến thức.

Khuyến khích học sinh đưa thêm ví dụ thực tế (từ tin tức, trải nghiệm gia đình, kỹ năng sống...).

Bước 4: Tổng kết

GV: nhận xét về tinh thần, ý thức các nhóm trong quá trình làm việc, báo cáo.

GV: tổng hợp ý kiến, nhận xét chung và chốt lại kiến thức

GV: yêu cầu HS lắng nghe và đánh giá nhóm nào đưa ra được nhiều nguyên nhân nhất và đúng nhất.

Có nhiều nguyên nhân gây hỏa hoạn do tính chủ quan, sơ xuất của con người như:

- Không cẩn thận khi đốt rác
- Vừa sạc điện thoại vừa sử dụng
- Để các thứ dễ cháy nổ (xăng, dầu hỏa...) gần bếp
- Trẻ em đùa nghịch với lửa (đốt giấy, rác ...)
- Không chú ý khi thắp hương hay đốt vàng mã

* Giáo viên nhận xét hoạt động của học sinh:

“Cô rất vui khi thấy các con quan sát tranh rất cẩn thận, thảo luận sôi nổi trong nhóm và biết lắng nghe, nhận xét sản phẩm của các nhóm bạn. Nhiều bạn đã phát hiện chính xác các nguy cơ gây cháy từ tranh, và một số nhóm còn đưa ra thêm ví dụ rất thực tế từ cuộc sống như việc cắm bàn ủi quên rút điện, trẻ nhỏ nghịch diêm hay dùng bật lửa trong phòng kín...

Cô cũng ghi nhận tinh thần hợp tác tích cực của các con – có nhóm đã bổ sung giúp nhóm bạn nhận ra điều còn thiếu. Đó là cách học rất tốt và an toàn.”

Hoạt động 3: Hoạt động khám phá: Tìm hiểu cách ứng xử khi xảy ra hỏa hoạn

* **Mục tiêu:**

- Học sinh đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong tình huống có cháy xảy ra và nhận xét được cách ứng xử đó.

* **Cách tiến hành:**

Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 5 nhóm (mỗi nhóm 6 HS) và giao cho các nhóm nhiệm vụ thảo luận, trả lời 2 câu hỏi sau bằng cách hoàn thành vào phiếu học tập số 03:

CH1: Khi gặp tình huống này, em và mọi người sẽ làm gì?

CH2: Những việc nào em nên làm trong tình huống này?

PHT SỐ 03. TÌM HIỂU CÁCH ỨNG XỬ KHI XẢY RA HỎA HOẠN

Yêu cầu: Học sinh làm việc theo nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới đây:

NV1: Hãy quan sát các tình huống dưới đây và cho biết em sẽ làm gì khi gặp phải những tình huống đó?



TH1:.....
.....
.....



TH2:.....
.....
.....



TH3:.....
.....
.....



TH4:.....
.....
.....

NV2: Những việc nào nên làm trong các tình huống trên?

.....
.....

Bước 2: HS “tạo tranh”

HS thực hiện nhiệm vụ nhóm để thảo luận và trả lời 02 câu hỏi vào phiếu học tập.

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

(1). Trình bày sản phẩm nhóm (“tranh”):

Giáo viên mời ngẫu nhiên 1 đại diện của từng nhóm (hoặc quay số chọn) lên trình bày nội dung phiếu học tập số 03 mà nhóm đã hoàn thành.

Đại diện nhóm cần nêu rõ:

Các tình huống giả định có cháy (TH1, TH2, TH3, TH4) mà nhóm đã thảo luận.

Cách xử lý của nhóm khi gặp mỗi tình huống.

Những việc nên làm để đảm bảo an toàn cho bản thân và mọi người xung quanh.

(2). Phản hồi từ các nhóm khác:

Sau mỗi phần trình bày, giáo viên yêu cầu các nhóm còn lại:

Đặt 1–2 câu hỏi cho nhóm vừa trình bày (gợi mở, làm rõ thêm hành động, suy nghĩ).

Nêu cảm nhận hoặc góp ý, có thể bắt đầu bằng:

“Nhóm bạn xử lý tình huống rất tốt ở điểm...”

“Mình nghĩ nếu thêm hành động này thì sẽ an toàn hơn...”

Giáo viên khuyến khích học sinh lắng nghe tích cực, không phán xét, chỉ góp ý để học hỏi và cải thiện cách xử lý.

(3). Học sinh đánh giá nhóm bạn:

Sau mỗi lượt trình bày, các nhóm sử dụng Phiếu đánh giá để chấm điểm cho nhóm bạn theo các tiêu chí rõ ràng (tổng 12 điểm).

Giáo viên có thể phát phiếu đánh giá dạng bảng đơn giản:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TÌM HIỂU CÁCH ỨNG XỬ KHI XẢY RA HỎA HOẠN		
Tiêu chí đánh giá	Thang điểm	Điểm nhóm đạt

1. Trình bày rõ việc em và mọi người nên làm khi xảy ra hỏa hoạn	3 điểm	
2. Trình bày đúng những việc nên làm trong tình huống	3 điểm	
3. Thực hiện đầy đủ 2 nhiệm vụ	2 điểm	
4. Báo cáo rõ ràng, dễ hiểu	2 điểm	
5. Hợp tác nhóm tốt	2 điểm	
Tổng điểm:/12 điểm		

Bước 4: Tổng kết

Nhận xét của giáo viên về hoạt động nhóm:

“Cô rất vui khi thấy các nhóm đã làm việc rất nghiêm túc và hợp tác tốt với nhau trong suốt hoạt động. Nhiều nhóm đã đưa ra những tình huống rất thực tế và có các cách xử lý phù hợp, thể hiện sự hiểu biết và tinh thần trách nhiệm khi gặp nguy hiểm.

Một số bạn trình bày rõ ràng, tự tin và biết lắng nghe, góp ý cho nhóm bạn rất tích cực – điều đó cho thấy các con đang rèn được nhiều kỹ năng quan trọng, không chỉ trong học tập mà còn trong cuộc sống.”

GV nhận xét về tinh thần, ý thức các nhóm trong quá trình làm việc, báo cáo.

GV tổng hợp ý kiến, nhận xét chung và chốt lại kiến thức:

- Khi gặp các tình huống hỏa hoạn, nên báo cho người lớn, gọi 114, thoát ra ngoài bằng lối thoát hiểm, bò thấp dưới khói.
- Tuyệt đối không được dùng thang máy, trốn trong phòng,...

BÀI 3. VỆ SINH XUNG QUANH NHÀ Ở

Hoạt động 2: Hoạt động khám phá:

a, Kể tên một số việc làm để giữ vệ sinh xung quanh nhà ở và lợi ích của những việc làm đó.

*** Mục tiêu:**

- Học sinh sẽ biết những công việc cụ thể như quét dọn, chăm sóc cây cối, dọn rác, vệ sinh khu dân cư và nhận thấy tầm quan trọng của chúng đối với môi trường sống.

- Học sinh sẽ phân biệt được việc làm nào có tác dụng bảo vệ môi trường, sức khỏe, và những việc làm có thể gây hại nếu không thực hiện đúng cách.

- Học sinh sẽ biết cách áp dụng những kiến thức đã học để thực hiện việc giữ vệ sinh xung quanh nhà ở một cách đúng đắn, nhằm tạo ra môi trường sống sạch sẽ và trong lành.

*** Cách tiến hành:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát các hình ảnh minh họa (hình 1, 2, 3, 4) về các việc làm như quét dọn, tưới cây, dọn rác xung quanh nhà.

Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm (mỗi nhóm 5 HS) và trả lời các câu hỏi:

CH1: Kể tên việc làm trong mỗi hình.

CH2: Nêu lợi ích của những việc làm đó.

Bước 2: Học sinh “tạo tranh”

Học sinh thực hiện nhiệm vụ “tạo tranh”: HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm để hoàn thành PHT số 04, thời gian: 10 phút.

HS trưng bày sản phẩm lên bảng theo nhóm đã được phân công

PHT SỐ 04. MỘT SỐ VIỆC LÀM ĐỂ GIỮ VỆ SINH XUNG QUANH NHÀ Ở VÀ LỢI ÍCH CỦA NHỮNG VIỆC LÀM ĐÓ

Thành viên nhóm:.....

NV1: Dựa vào các bức tranh, em hãy:

- Chỉ ra việc làm đó giữ vệ sinh hay mất vệ sinh xung quanh nhà.
- Nêu tác dụng/tác hại của từng việc làm đó.



..... 	
 	
NV2: Hãy chia sẻ những việc em đã làm để giữ vệ sinh xung quanh nhà với các bạn trong nhóm. Cụ thể: - Việc em đã làm:..... - Lợi ích của việc làm đó:.....	

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

(1). Trình bày sản phẩm (“tranh”) của các nhóm:

Sau khi các nhóm hoàn thành Phiếu học tập số 04, giáo viên yêu cầu các nhóm trưng bày sản phẩm tại khu vực bảng hoặc vị trí đã phân công từ trước.

Giáo viên quay số ngẫu nhiên hoặc bốc thăm để chọn một số học sinh đại diện các nhóm lên trình bày “tranh” của nhóm mình.

(2). Nhận xét – góp ý từ các nhóm khác:

Sau mỗi phần trình bày, giáo viên mời các nhóm còn lại lắng nghe và đưa ra nhận xét, có thể theo mẫu 2:1:

2 điều nhóm bạn làm tốt.

1 góp ý để nhóm trình bày rõ hơn hoặc cải thiện nội dung.

Bước 4: Tổng kết

Các nhóm trao đổi lại trong nhóm về góp ý và câu hỏi từ bạn.

Đại diện từng nhóm chia sẻ lại một điều nhóm mình học được từ nhóm bạn.

Giáo viên tổng hợp ý kiến, nhận xét chung và chốt lại kiến thức:

- Những việc làm để giữ vệ sinh xung quanh nhà ở đó là: quét dọn nhà cửa, sân vườn; thu gom và đổ rác đúng nơi quy định; không vứt rác bừa bãi; dọn dẹp nơi có nước đọng để không có muỗi; trồng cây xanh xung quanh nhà;....

- Những việc làm nhỏ nhưng mang lại lợi ích rất lớn: giúp không khí trong lành, sạch sẽ; hạn chế muỗi và vi khuẩn gây bệnh; tạo không gian sạch đẹp, an toàn cho cả gia đình;...

* Nhận xét của giáo viên về hoạt động học tập:

“Cô rất vui vì các nhóm đã làm việc với tinh thần nghiêm túc, hợp tác tích cực và trình bày rất rõ ràng. Nhiều nhóm đã quan sát tốt hình ảnh, nêu được chính xác hành động trong tranh và giải thích được vì sao đó là việc làm giữ vệ sinh.

Cô cũng rất ấn tượng khi nghe một số bạn chia sẻ những việc các con đã làm ở nhà như quét sân, nhặt rác, chăm cây, giúp người lớn dọn dẹp... Điều đó cho thấy các con không chỉ học tốt mà còn biết góp phần làm sạch không gian sống xung quanh mình mỗi ngày.”

b, Việc làm nào trong hình có tác dụng giữ vệ sinh xung quanh nhà? Vì sao?

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, quan sát các hình ảnh minh họa (hình 5, 6, 7) trong thời gian 1 phút, sau đó thảo luận nhóm 4 trả lời 02 câu hỏi sau:

CH1: Chỉ ra việc làm đó giữ vệ sinh hay mất vệ sinh xung quanh nhà.

CH2: Nêu tác dụng/tác hại của từng việc làm đó.

Bước 2: Học sinh “tạo tranh”

Học sinh thực hiện nhiệm vụ “tạo tranh” hoàn thành PHT số 05, thời gian: 5 phút.

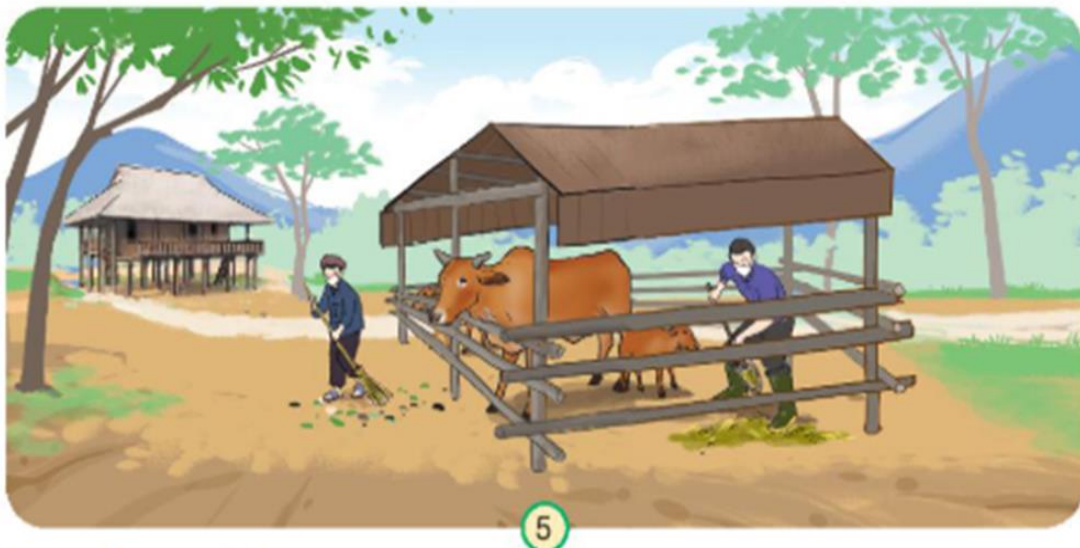
HS trưng bày sản phẩm lên giá đã được sắp xếp theo thứ tự nhóm

PHT SỐ 05. TÁC DỤNG CỦA VIỆC GIỮ VỆ SINH XUNG QUANH NHÀ Ở

Yêu cầu: Học sinh làm việc theo nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới đây:

NV1: Quan sát các bức tranh dưới đây, hãy:

- Chỉ ra việc làm đó giữ vệ sinh hay mất vệ sinh xung quanh nhà.
- Nêu tác dụng/tác hại của từng việc làm đó.



.....

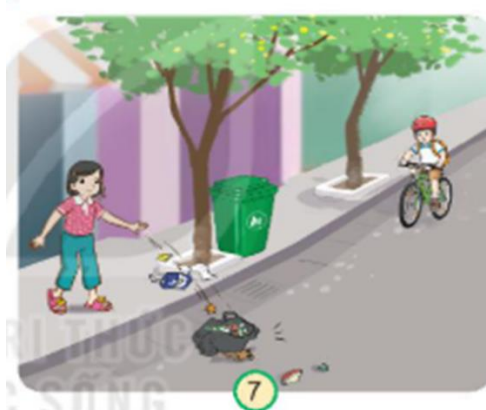
.....



.....

.....

.....



.....

.....

.....

NV2:

1, Theo em, việc làm nào quan trọng nhất? Vì sao?

.....
.....

2, Em học được gì từ những việc làm trên?

.....

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

(1). Trưng bày sản phẩm theo nhóm:

Sau khi hoàn thành Phiếu học tập số 05, các nhóm trưng bày sản phẩm lên giá hoặc khu vực được sắp xếp sẵn, theo thứ tự nhóm do giáo viên chỉ định.

Mỗi nhóm cử 1 bạn đứng tại “gian trưng bày” để thuyết trình hoặc sẵn sàng trả lời khi được hỏi về nội dung.

(2). Đôi nhóm – đi xem “tranh” và nhận xét:

Giáo viên hướng dẫn các nhóm đôi chéo để đi xem sản phẩm của nhóm khác. Có thể chia theo sơ đồ luân chuyển (ví dụ: nhóm 1 xem tranh nhóm 2, nhóm 2 xem nhóm 3...).

Khi đến “gian tranh” của nhóm bạn, các nhóm:

Quan sát nội dung trong phiếu học tập.

Nghe bạn thuyết trình ngắn (nếu có).

Trao đổi, đặt câu hỏi, nếu có điều chưa rõ hoặc cần bổ sung.

Hoàn thành Phiếu nhận xét tranh theo mẫu đã phát.

(3). Học sinh hoàn thành Phiếu nhận xét tranh:

Mỗi nhóm nhận 1 Phiếu nhận xét tranh cho mỗi nhóm bạn mà mình đánh giá. Mẫu cụ thể như sau:

PHIẾU NHẬN XÉT TRANH

Tên nhóm nhận xét:

Tên nhóm được nhận xét:

Em hãy tích dấu ✓ vào mỗi nhận xét cho các câu hỏi dưới đây:

1. Chỉ ra việc làm đó giữ vệ sinh hay mất vệ sinh xung quanh nhà?

☐ Đúng ☐ Sai

2. Nêu tác dụng/tác hại của từng việc làm đó?

☐ Đúng ☐ Sai

3. Sản phẩm có đầy đủ nội dung yêu cầu không?

☐ Có ☐ Chưa đủ

4. Bạn thuyết trình rõ ràng, dễ hiểu?

☐ Rất tốt ☐ Tạm được ☐ Còn lúng túng

5. Em học được gì từ sản phẩm của nhóm bạn?

.....
.....

(4). Giáo viên điều phối – hỗ trợ – nhận xét:

Theo dõi hoạt động nhận xét, đảm bảo học sinh tôn trọng và góp ý tích cực.

Gợi mở học sinh bằng các câu hỏi như:

“Theo em, nhóm bạn có bỏ sót hành động nào chưa?”

“Nếu việc đó không được thực hiện thường xuyên thì sẽ ảnh hưởng gì đến sức khỏe?”

Cuối hoạt động, giáo viên có thể thu phiếu nhận xét để tổng hợp đánh giá, hoặc mời vài nhóm đọc phần học được từ nhóm bạn để chia sẻ trước lớp.

Bước 4: Tổng kết

(1). Giáo viên nhận xét chung:

“Cô ghi nhận sự nỗ lực, tinh thần hợp tác và trình bày rõ ràng của các nhóm trong hoạt động ngày hôm nay. Nhiều nhóm đã quan sát rất kỹ tranh, phân biệt được rõ hành động nào là giữ vệ sinh, hành động nào chưa phù hợp.

Cô cũng rất vui vì các con đã biết rút ra những bài học từ tranh, liên hệ với chính bản thân mình và nêu được những việc làm cụ thể ở nhà như quét sân, nhặt

rác, chăm sóc cây cối... Điều đó cho thấy các con đang hình thành được thói quen sống sạch sẽ, có trách nhiệm với môi trường xung quanh.”

(2). Giáo viên chốt lại kiến thức trọng tâm:

Giáo viên tổng hợp ý kiến, nhận xét chung và chốt lại kiến thức:

Qua hình 5,6,7 có thể thấy rằng mỗi việc làm đều góp phần giữ gìn vệ sinh xung quanh nhà ở. Những việc làm đó giúp:

- Làm cho nhà cửa, sân vườn sạch sẽ, thoáng đãng
- Ngăn ngừa ruồi, muỗi, gián, chuột,... tránh được nhiều bệnh như sốt xuất huyết, tiêu chảy,...

Hoạt động 3: Hoạt động thực hành: Những việc nên làm hoặc không nên làm để giữ vệ sinh nhà cửa.

*** Mục tiêu:**

- Học sinh sẽ biết cách áp dụng những kiến thức đã học để thực hiện việc giữ vệ sinh xung quanh nhà ở một cách đúng đắn, nhằm tạo ra môi trường sống sạch sẽ và trong lành.

*** Cách tiến hành:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Giáo viên chia lớp thành 5-6 nhóm và hoàn thành phiếu học tập số 06.

Phiếu học tập: Học sinh sẽ điền các việc nên làm (ví dụ: quét sân) vào cột "Việc nên làm" và các việc không nên làm (ví dụ: vứt rác bừa bãi) vào cột "Việc không nên làm".

Bước 2: HS “tạo tranh”

Học sinh thực hiện nhiệm vụ “tạo tranh”

HS treo sản phẩm lên giá theo vị trí từng nhóm GV đã phân công.

PHT SỐ 06. NHỮNG VIỆC NÊN LÀM HOẶC KHÔNG NÊN LÀM ĐỂ GIỮ VỆ SINH NHÀ CỬA

Yêu cầu: Học sinh làm việc theo nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới đây.

NV1: Quan sát sơ đồ và thảo luận cùng nhóm để hoàn thành bảng sau. Kể tên việc nên làm và không nên làm để giữ vệ sinh nhà cửa.



Việc nên làm ☑	Việc không nên làm ☒
1.	1.
2.	2.
3.	3.
4.	4.
5.	5.

NV2: Hãy chia sẻ với các thành viên trong nhóm:

1. Em đã từng làm những việc làm tốt nào để giữ vệ sinh xung quanh nhà ở?

.....

2. Điều gì sẽ xảy ra nếu mọi người không giữ vệ sinh xung quanh nhà ở?

.....

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

(1). Trưng bày sản phẩm (“tranh” nhóm):

Sau khi hoàn thành Phiếu học tập số 06, các nhóm treo sản phẩm của mình lên giá hoặc bảng theo vị trí mà giáo viên đã phân công trước.

(2). Trình bày sản phẩm trước lớp:

Giáo viên lần lượt mời đại diện từng nhóm lên trình bày nội dung sản phẩm của nhóm mình.

(3). Nhận xét và trao đổi giữa các nhóm:

Sau mỗi lượt trình bày, giáo viên mời 1–2 nhóm khác

Đặt câu hỏi để tìm hiểu thêm nội dung.

Góp ý tích cực: ví dụ sản phẩm rõ ràng, nội dung đầy đủ, trình bày dễ hiểu.

Bổ sung ý tưởng mới nếu có.

Bước 4: Tổng kết

(1). Nhận xét của giáo viên:

“Cô rất vui khi thấy các con đã tham gia hoạt động rất tích cực. Các nhóm đã hoàn thành sản phẩm rõ ràng, đầy đủ, nhiều bạn còn biết trình bày mạch lạc và chia sẻ những việc làm thật sự mà các con đã thực hiện tại nhà.

Đặc biệt, cô đánh giá cao những nhóm nêu được các việc ‘không nên làm’ rất cụ thể như: vứt rác bừa bãi, không đầy nắp thùng rác, để nước đọng quanh nhà – vì đây chính là những nguyên nhân dễ gây bệnh cho cả gia đình và hàng xóm.”

Các nhóm trao đổi lại trong nhóm về góp ý và câu hỏi từ bạn.

Đại diện từng nhóm chia sẻ lại một điều nhóm mình học được từ nhóm bạn.

(2) Giáo viên tổng hợp ý kiến, nhận xét chung và chốt lại kiến thức:

- Việc nên làm để giữ vệ sinh xung quanh nhà: đổ rác đúng nơi quy định, phân loại rác; lau dọn nền nhà; sửa chữa cống rãnh, đường thoát nước; trồng cây xanh; kêu gọi người thân trong gia đình cùng giữ gìn vệ sinh xung quanh nhà ở;...

- Việc không nên làm để giữ vệ sinh xung quanh nhà: vứt rác bừa bãi; đổ nước bẩn ra đường; phá hoại cây xanh; đốt rác bừa bãi gây ô nhiễm không khí; không tham gia dọn vệ sinh cùng người thân;...

Hoạt động 4: Vận dụng: Tuyên truyền để mọi người cùng thực hiện vệ sinh xung quanh nhà.

*** Mục tiêu:**

- Học sinh sẽ biết cách áp dụng những kiến thức đã học để thực hiện việc giữ vệ sinh xung quanh nhà ở một cách đúng đắn, nhằm tạo ra môi trường sống sạch sẽ và trong lành.

*** Cách thực hiện:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Giáo viên cho học sinh quan sát 2 tình huống tại 2 bức tranh dưới đây

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để tìm ra cách giải quyết phù hợp cho 2 tình huống.

Bước 2: HS “tạo tranh”

Học sinh thực hiện nhiệm vụ “tạo tranh” bằng cách hoàn thành PHT, thời gian 10 phút.

**PHT SỐ 07. TUYÊN TRUYỀN ĐỂ MỌI NGƯỜI CÙNG THỰC HIỆN
VỆ SINH XUNG QUANH NHÀ.**

Nhiệm vụ: Em sẽ làm gì nếu gặp phải các tình huống dưới đây?

Gợi ý:

- Hành động của người trong tranh có đúng không? Vì sao?
- Em sẽ khuyên người đó thế nào để không làm mất vệ sinh chung?



.....

.....

.....

Tình huống 2



12

.....

.....

.....

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

(1). Trình bày sản phẩm nhóm:

Sau khi hoàn thành PHT số 07, mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày trước lớp cách xử lý hai tình huống trong tranh.

Khi trình bày, học sinh cần làm rõ:

Hành vi trong tranh có đúng hay không? Vì sao?

Tác hại nếu hành vi đó tiếp diễn (ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe, cộng đồng).

Cách ứng xử phù hợp nếu gặp người đang thực hiện hành vi đó (lời khuyên, hành động cụ thể).

(2). Nhận xét – bổ sung từ các nhóm khác:

Sau mỗi lượt trình bày, giáo viên mời 1–2 nhóm khác nhận xét hoặc đặt câu hỏi, tập trung vào:

Cách đánh giá tình huống có hợp lý không?

Lời khuyên đưa ra có phù hợp, dễ nghe, dễ thực hiện không?

Có ý tưởng nào khác để tuyên truyền tốt hơn không?

Bước 4: Tổng kết

(1) . Nhận xét của giáo viên:

“Cô rất tự hào khi thấy các con không chỉ hiểu rõ về việc giữ vệ sinh xung quanh nhà mà còn biết cách nói, cách làm sao cho người khác cũng muốn làm cùng mình.

Nhiều nhóm đã đưa ra lời khuyên rất nhẹ nhàng, lịch sự và thuyết phục – đây là điều rất quan trọng khi mình góp ý cho người khác, nhất là người lớn tuổi. Cô đặc biệt ấn tượng với những bạn đã suy nghĩ đến các cách tuyên truyền sáng tạo như vẽ biển báo, dán tranh tuyên truyền, hoặc rủ bạn bè cùng làm việc tốt.”

(2) Giáo viên nhận xét chung và kết luận:

- Qua 2 tình huống vừa rồi, cô thấy các em đều đã biết phân biệt được việc làm nào đúng, việc làm nào sai khi giữ vệ sinh xung quanh nhà. Cô hy vọng rằng, mỗi bạn trong lớp sẽ trở thành một người tuyên truyền nhỏ tuổi cùng gia đình và hàng xóm giữ vệ sinh nơi mình đang sinh sống.

BÀI 6: TRUYỀN THÔNG TRƯỜNG EM

Hoạt động 3: Hoạt động thực hành: Tìm hiểu truyền thông trường em

*** Mục tiêu:**

- Hiểu được truyền thông của trường: Học sinh nắm được những truyền thông tốt đẹp của nhà trường, những giá trị mà trường mang lại cho học sinh và cộng đồng.

*** Cách tiến hành:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu về những truyền thông của trường mình. Các em có thể hỏi thầy cô, bạn bè hoặc tham khảo tài liệu của trường để biết về truyền thông, thành tích và các hoạt động của trường.

Học sinh sẽ thu thập các thông tin về:

- Tên trường: Trường của các em có tên là gì?

- Năm thành lập: Trường của các em đã thành lập từ bao giờ?
- Thành tích trong dạy và học: Trường có những thành tích gì nổi bật trong học tập và các cuộc thi?
- Các tấm gương tiêu biểu: Những cá nhân, tập thể nào đã làm gương mẫu cho học sinh trong trường?

Bước 2: HS “tạo tranh”

Học sinh thực hiện nhiệm vụ “tạo tranh” bằng cách hoàn thành phiếu học tập, thời gian 10 phút.

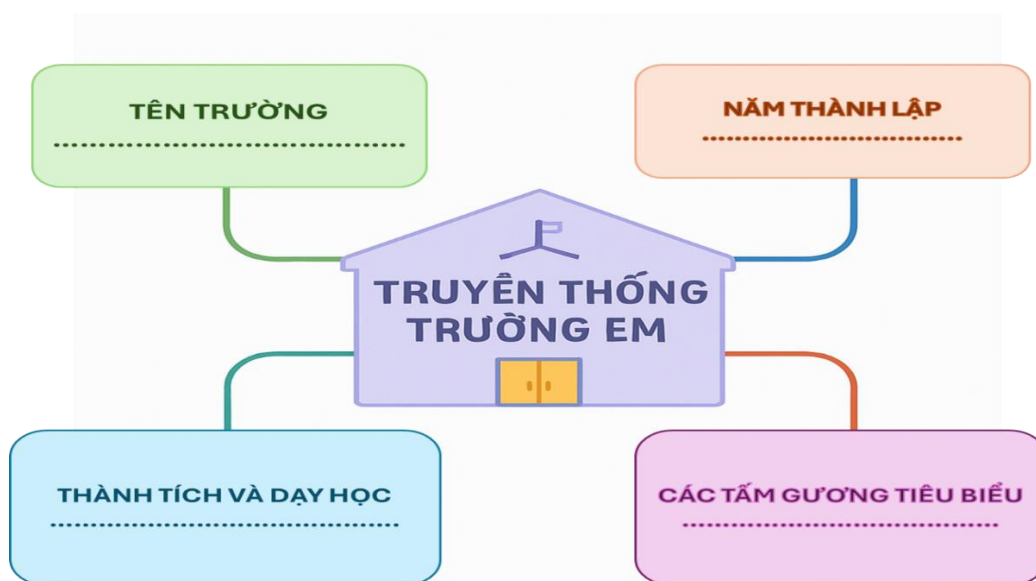
Sau khi “tạo tranh” học sinh sẽ trưng bày sản phẩm trên tường.

PHT SỐ 08. TÌM HIỂU TRUYỀN THỐNG TRƯỜNG EM

Thành viên nhóm:.....

Nhiệm vụ: Hoàn thành sơ đồ tư duy với chủ đề “*Truyền thống trường em*” theo các nội dung gợi ý sau:

- *Tên trường: Trường của các em có tên là gì?*
- *Năm thành lập: Trường của các em đã thành lập từ bao giờ?*
- *Thành tích trong dạy và học: Trường có những thành tích gì nổi bật trong học tập và các cuộc thi?*
- *Các tấm gương tiêu biểu: Những cá nhân, tập thể nào đã làm gương mẫu cho học sinh trong trường?*



Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

(1). Trưng bày sản phẩm:

Sau khi các nhóm hoàn thành Phiếu học tập số 08 (dưới dạng sơ đồ tư duy), giáo viên hướng dẫn học sinh trưng bày sản phẩm lên tường hoặc bảng theo vị trí từng nhóm.

Mỗi sơ đồ tư duy nên trình bày đẹp mắt, có thể minh họa bằng hình vẽ, màu sắc nổi bật, hình ảnh về trường (nếu có).

(2). Trình bày sản phẩm:

Giáo viên mời ngẫu nhiên đại diện các nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm mình.

Mỗi nhóm trình bày khoảng 3–5 phút, tập trung vào:

Tên trường và năm thành lập.

Những truyền thống nổi bật của trường (ví dụ: lễ chào cờ, thi đua học tốt, hoạt động từ thiện, ngày hội đọc sách...).

Các thành tích nổi bật trong học tập, văn nghệ, thể thao...

Những tấm gương tiêu biểu (học sinh giỏi, thầy cô tận tâm, tập thể tiên tiến...).

(3). Nhận xét – giao lưu giữa các nhóm:

Sau mỗi lượt trình bày, các nhóm khác đặt câu hỏi, chia sẻ cảm nhận hoặc bổ sung thông tin nếu biết.

Câu hỏi có thể gợi mở như:

“Thành tích nào của trường khiến bạn tự hào nhất?”

“Bạn thấy truyền thống nào là đặc biệt nhất ở trường mình?”

“Nhóm bạn có phỏng vấn ai khi làm sơ đồ không?”

Bước 4: Tổng kết

(1). Nhận xét của giáo viên:

“Cô khen ngợi tinh thần làm việc tích cực và nghiêm túc của các nhóm trong hoạt động hôm nay. Nhiều nhóm đã chủ động tìm hiểu thông tin từ thầy cô, bạn bè hoặc tư liệu của trường, trình bày bằng sơ đồ tư duy rất sáng tạo và rõ ràng.

Các con không chỉ kể lại được tên trường, năm thành lập, mà còn nêu được nhiều truyền thống đáng tự hào, những thành tích nổi bật và tấm gương tiêu biểu – đó là những điều rất quý giá để thế hệ học sinh chúng ta tiếp nối và phát huy.”

(2). Gợi mở hành động và giáo dục tinh thần trách nhiệm:

“Cô mong rằng sau hôm nay, mỗi bạn sẽ thấy tự hào hơn về ngôi trường của mình, và sẽ luôn:

Giữ gìn hình ảnh đẹp của học sinh trường em: lễ phép, chăm học, sạch sẽ, đúng giờ.

Góp phần vào các hoạt động của lớp, của trường với tinh thần tích cực và tự nguyện.

Phân đầu trở thành ‘tấm gương nhỏ’ để cùng viết tiếp truyền thống tốt đẹp cho các thế hệ sau.”

Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng: Tìm hiểu truyền thống trường em

*** Mục tiêu:**

- Phát triển kỹ năng tìm hiểu và chia sẻ thông tin: Học sinh học cách thu thập thông tin về truyền thống nhà trường và chia sẻ thông tin đó với bạn bè.

*** Cách thực hiện:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Giáo viên chia lớp thành các nhóm nhỏ (mỗi nhóm 4-5 bạn) và giao nhiệm vụ chia sẻ cảm xúc của em về truyền thống của trường bằng cách hoàn thành phiếu học tập.



Bước 2: HS “tạo tranh”

Học sinh thực hiện nhiệm vụ “tạo tranh”

PHT SỐ 09. TÌM HIỂU TRUYỀN THỐNG TRƯỜNG EM

Tên thành viên nhóm:.....

Yêu cầu: Hãy chọn một truyền thống mà nhóm yêu thích nhất và chia sẻ cảm xúc của mình về truyền thống đó bằng cách đánh dấu ✓ vào mỗi ô trống (có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều ý)

1. Nhóm em thích nhất truyền thống nào của trường?

- ☐ Lễ khai giảng
- ☐ Cuộc thi học sinh giỏi, viết chữ đẹp
- ☐ Thi đua học tập tốt theo tuần
- ☐ Hoạt động từ thiện: quyên góp ủng hộ học sinh khó khăn
- ☐ Đồng diễn văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn
- ☐ Khác:.....

2. Cảm xúc của em khi tham gia các hoạt động truyền thống đó?

- ☐ Vui và tự hào về trường
- ☐ Hào hứng và muốn tham gia tiếp
- ☐ Chưa hiểu rõ ý nghĩa nên thấy bình thường
- ☐ Mệt nhưng vẫn thấy ý nghĩa
- ☐ Khác:.....

3. Việc nên làm để giữ gìn truyền thống đó là:

- ☐ Giữ gìn vệ sinh lớp học
- ☐ Tham gia đầy đủ các hoạt động của trường
- ☐ Kể cho người khác nghe về truyền thống của trường
- ☐ Đề xuất thêm các hoạt động mới
- ☐ Khác:.....

Bước 3: Tổ chức đi “xem tranh”

(1). Tổ chức chia sẻ sản phẩm:

Sau khi các nhóm hoàn thành Phiếu học tập số 09, giáo viên hướng dẫn học sinh trưng bày sản phẩm “tranh” (có thể là bản trang trí từ PHT hoặc sơ đồ cảm xúc trên khổ giấy lớn) tại khu vực bảng, tường hoặc bàn triển lãm nhóm.

Đại diện từng nhóm lên chia sẻ miệng trước lớp về nội dung trong phiếu:

Truyền thống nào nhóm yêu thích nhất.

Lý do yêu thích và cảm xúc khi tham gia.

Nhóm nghĩ rằng nên làm gì để giữ gìn truyền thống đó.

(2). Các nhóm khác đặt câu hỏi – phản hồi:

Sau mỗi lượt chia sẻ, giáo viên mời 1–2 nhóm khác đặt câu hỏi hoặc nêu cảm nhận

Các phản hồi nên tích cực, chân thành, giúp học sinh học cách lắng nghe và đồng cảm với bạn.

Bước 4: Tổng kết

(1). Nhận xét của giáo viên:

“Cô rất vui và cảm động khi lắng nghe những chia sẻ rất chân thành, đầy cảm xúc của các con về truyền thống của trường mình.

Mỗi nhóm đều có góc nhìn riêng, từ Lễ khai giảng, thi đua học tốt, đến hoạt động từ thiện hay văn nghệ – tất cả đều là những dấu ấn đẹp đã và đang làm nên truyền thống đáng tự hào của ngôi trường chúng ta.”

“Cô đặc biệt khen những bạn đã dám chia sẻ cảm xúc thật – dù vui, hồi hộp hay đôi khi là chưa hiểu hết ý nghĩa – vì điều quan trọng nhất là các con đang lắng nghe, quan sát và sống trong truyền thống đó mỗi ngày.”

(2). Chốt kiến thức và giá trị:

Giáo viên tổng hợp ý kiến, nhận xét chung và chốt lại kiến thức:

Truyền thống nhà trường là những giá trị tốt đẹp đã được hình thành và phát triển trong suốt thời gian qua, bao gồm các phong trào học tập, thể thao, văn hóa, và các hoạt động cộng đồng.

Để giữ gìn và phát huy những truyền thống đó, mỗi học sinh cần tích cực tham gia vào các hoạt động của trường, duy trì phong trào học tập tốt, tham gia các hoạt động thể dục thể thao, và giúp đỡ cộng đồng.

Khuyến khích: Học sinh hãy luôn tự hào về trường mình, tham gia vào các hoạt động để góp phần làm cho trường ngày càng phát triển hơn nữa.

BÀI 7. GIỮ AN TOÀN VÀ VỆ SINH TRƯỜNG HỌC

Hoạt động 3: Hoạt động thực hành:

*** Mục tiêu:**

- Hiểu được các khu vực an toàn và không an toàn trong trường học.
- Học sinh sẽ quan sát và đánh giá môi trường học tập của mình để nhận diện các khu vực cần được cải thiện về an toàn và vệ sinh.
- Học sinh sẽ đóng góp ý tưởng để cải thiện môi trường học tập, tạo ra không gian học tập sạch sẽ và an toàn.

*** Cách tiến hành:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 3 nhóm và các khu vực khảo sát theo gợi ý:

- Nhóm 1: Phòng học (bàn ghế, cửa sổ, trần nhà,...) và khu vực xung quanh (cầu thang, hành lang, biển báo,...)
- Nhóm 2: Sân chơi, bãi tập, dụng cụ thể thao,...
- Nhóm 3: Các khu vệ sinh

Mỗi nhóm nhận một phiếu khảo sát và phân công nhiệm vụ (người quan sát, người ghi chép, người tổng hợp,...)

GV lưu ý: khi đi khảo sát cần chuẩn bị trang phục gọn gàng; không chạy nhảy, leo trèo, đùa nghịch

Bước 2: HS “tạo tranh”

Các nhóm đi khảo sát thực tế tại khu vực được phân công theo mẫu phiếu khảo sát:

PHIẾU KHẢO SÁT (NHÓM 1)				
Địa điểm	Đồ vật	Hiện trạng		Đề xuất
		An toàn	Vệ sinh	
Trần nhà				
Cầu thang				
Phòng học				

Bước 3: Tổ chức đi xem “tranh”

(1). Trình bày sản phẩm khảo sát:

Sau khi các nhóm hoàn thành Phiếu khảo sát theo khu vực được phân công (phòng học, sân chơi, khu vệ sinh...), mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày trước lớp.

Mỗi nhóm có khoảng 3–5 phút, tập trung trình bày

(2). Nhận xét – phản hồi từ các nhóm khác:

Sau mỗi phần trình bày, giáo viên mời 1–2 nhóm khác đặt câu hỏi hoặc nhận xét:

Đặt câu hỏi làm rõ thêm thông tin khảo sát.

Bổ sung đề xuất hợp lý hoặc chia sẻ tình trạng tương tự ở khu vực mình quan sát.

Nêu cảm nhận hoặc đồng tình với đề xuất cải thiện môi trường của nhóm bạn.

Bước 4: Tổng kết

(1). Nhận xét của giáo viên:

“Cô rất vui khi thấy các nhóm đã quan sát rất kỹ lưỡng, làm việc nhóm tốt và trình bày rõ ràng, mạch lạc.

Các con đã biết nhìn nhận vấn đề một cách thực tế: phát hiện được khu vực an toàn, chưa an toàn, sạch sẽ hoặc cần cải thiện. Điều đó cho thấy các con đã

hiểu rằng việc giữ gìn trường học không chỉ là nhiệm vụ của thầy cô, mà còn là trách nhiệm của mỗi học sinh.”

(2). Chốt kiến thức và kỹ năng:

GV nhận xét chung và kết luận

- Giữ gìn an toàn và vệ sinh không chỉ là trách nhiệm chung của nhà trường mà ý thức của các em cũng đóng vai trò rất quan trọng. Từ những việc làm nhỏ nhất như: đi nhẹ nhàng, bỏ rác đúng nơi quy định, giữ gìn lớp học sạch sẽ,... đều góp phần làm cho trường học trở nên thân thiện và an toàn hơn.

- Cô hy vọng sau hoạt động này, các em sẽ luôn có ý thức và cùng nhau xây dựng môi trường học tập xanh – sạch – đẹp và an toàn hơn mỗi ngày.

2.3.3. Lưu ý sư phạm khi vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3

a, Lựa chọn nội dung và phù hợp đặc điểm học sinh

Lựa chọn nội dung phù hợp là bước đầu tiên và quan trọng để đảm bảo kỹ thuật phòng tranh phát huy tối đa hiệu quả trong dạy học. Giáo viên cần căn cứ vào mục tiêu bài học cụ thể để lựa chọn những chủ đề, nội dung có tính trực quan cao, dễ hiểu và gần gũi với trải nghiệm hàng ngày của học sinh lớp 3. Các nội dung này nên được thiết kế theo hướng gắn kết với thực tế cuộc sống, giúp học sinh dễ dàng hình dung, cảm nhận và tạo ra sản phẩm học tập sinh động, đa dạng.

Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học, nhất là lớp 3, chủ yếu dựa trên tư duy trực quan – hình tượng và khả năng tưởng tượng phong phú nhưng còn hạn chế về năng lực tư duy trừu tượng và khái quát. Do vậy, giáo viên cần xây dựng các nhiệm vụ học tập có mức độ phù hợp, tránh quá phức tạp hoặc gây áp lực, giúp học sinh dễ dàng tham gia và phát huy tối đa năng lực cá nhân. Việc hướng dẫn chi tiết, từng bước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cũng rất cần thiết để đảm bảo học sinh nắm rõ yêu cầu, tự tin tham gia hoạt động mà không bị bối rối hay chán nản.

Ngoài ra, giáo viên cũng nên quan tâm đến sự khác biệt về năng lực, sở trường và tính cách của từng học sinh để điều chỉnh mức độ khó – dễ của nhiệm vụ. Điều này giúp hoạt động phòng tranh trở nên linh hoạt, tạo cơ hội cho tất cả

học sinh đều có thể đóng góp và phát triển. Việc thiết kế bài học theo hướng cá nhân hóa như vậy góp phần tạo môi trường học tập thân thiện, khuyến khích sự sáng tạo và phát triển toàn diện ở học sinh.

b, Quản lý hoạt động và điều kiện tổ chức

Việc quản lý hoạt động trong quá trình áp dụng kỹ thuật phòng tranh đóng vai trò quyết định đến sự thành công của hoạt động dạy học. Khi học sinh phải di chuyển, trao đổi và thảo luận nhóm, giáo viên cần lên kế hoạch tổ chức chặt chẽ nhằm kiểm soát được tình hình lớp học, tránh gây ra ồn ào, hỗn loạn làm ảnh hưởng đến môi trường học tập chung.

Để làm được điều này, giáo viên cần phân chia nhóm phù hợp với số lượng học sinh, cần nhắc đến tính cách và mức độ tự chủ của từng nhóm để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng, hạn chế tình trạng học sinh bị xao nhãng hay không tuân thủ nội quy. Giáo viên nên thiết lập các quy định cụ thể, rõ ràng về cách thức di chuyển khi tham quan phòng tranh, thời gian tham gia, cũng như các quy tắc ứng xử khi thảo luận, nhận xét sản phẩm của bạn bè.

Song song đó, việc chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cũng là yếu tố không thể thiếu. Giáo viên cần trang bị các vật liệu hỗ trợ phù hợp như giấy, màu vẽ, bảng phụ, tranh ảnh minh họa để học sinh dễ dàng tạo ra sản phẩm học tập chất lượng, đồng thời kích thích sự sáng tạo. Trong trường hợp điều kiện cơ sở vật chất hạn chế, giáo viên nên chủ động tìm giải pháp thay thế, ví dụ như sử dụng giấy nhỏ hơn, tổ chức “phòng tranh tại chỗ” hoặc kết hợp với các hoạt động trực tuyến để đảm bảo không làm gián đoạn quá trình học tập.

Việc sắp xếp không gian lớp học cũng rất quan trọng, cần có bố trí hợp lý để các sản phẩm có thể trưng bày một cách khoa học, giúp học sinh thuận tiện quan sát và trao đổi, đồng thời tạo nên một không gian học tập sinh động, thân thiện. Một lớp học được tổ chức tốt sẽ góp phần nâng cao sự hứng thú và tinh thần học tập của học sinh trong suốt quá trình triển khai kỹ thuật phòng tranh.

c, Tạo điều kiện phát huy sự chủ động và sáng tạo của học sinh

Kỹ thuật phòng tranh là phương pháp rất hiệu quả để phát huy vai trò chủ động, sáng tạo và tích cực của học sinh trong quá trình học tập. Do đó, giáo viên

cần tạo ra môi trường học tập khuyến khích học sinh tự do thể hiện quan điểm, cảm xúc và ý tưởng cá nhân trong việc thiết kế sản phẩm học tập. Điều này không chỉ giúp học sinh phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo mà còn giúp các em cảm thấy được tôn trọng và phát huy giá trị bản thân.

Môi trường lớp học cần được duy trì ở trạng thái thân thiện, an toàn, để học sinh có thể mạnh dạn trình bày ý kiến, thảo luận và phản biện lẫn nhau một cách tự nhiên và hiệu quả. Sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm sẽ giúp phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, đồng thời nâng cao khả năng lắng nghe và tôn trọng ý kiến khác biệt.

Bên cạnh đó, giáo viên cần quan tâm đến việc đảm bảo sự tham gia đồng đều của tất cả học sinh. Cần tránh để tình trạng một số em thụ động hoặc phụ thuộc vào các thành viên khác trong nhóm, bởi điều này có thể gây ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển kỹ năng cá nhân và tính tự chủ của học sinh. Việc xây dựng quy chế phân công vai trò trong nhóm rõ ràng và động viên học sinh nhận trách nhiệm cụ thể sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động nhóm, đồng thời giúp các em rèn luyện kỹ năng tự quản, kỷ luật và trách nhiệm.

d, Đánh giá và linh hoạt tổ chức

Đánh giá là một phần quan trọng không thể thiếu khi vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học. Giáo viên cần thực hiện đánh giá một cách toàn diện, kết hợp giữa đánh giá quá trình học tập và đánh giá sản phẩm mà học sinh tạo ra. Việc này giúp phản ánh chính xác năng lực, phẩm chất cũng như sự tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình tham gia hoạt động.

Để làm được điều này, giáo viên có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá đa dạng như nhận xét trực tiếp, sử dụng phiếu đánh giá, cho phép học sinh tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đội. Phản hồi từ giáo viên và bạn bè cần mang tính xây dựng, được đưa ra kịp thời nhằm khích lệ tinh thần học tập và thúc đẩy sự phát triển toàn diện ở học sinh.

Bên cạnh đó, sự linh hoạt trong tổ chức hoạt động cũng là yếu tố then chốt giúp kỹ thuật phòng tranh phát huy tối đa hiệu quả. Giáo viên cần điều chỉnh hình thức tổ chức, thời gian thực hiện cũng như quy mô hoạt động sao cho phù hợp với

điều kiện thực tế của lớp học như số lượng học sinh, không gian và thời lượng tiết học. Sự linh hoạt này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, giảm áp lực chuẩn bị mà còn đảm bảo tất cả học sinh đều có cơ hội tham gia tích cực, từ đó nâng cao chất lượng dạy học và hiệu quả tiếp thu kiến thức trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã trình bày cơ sở sư phạm và quy trình vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3. Việc áp dụng kỹ thuật này giúp nâng cao tính tích cực, chủ động và phát huy năng lực của học sinh theo định hướng Chương trình GDPT 2018.

Bốn nguyên tắc cần đảm bảo khi sử dụng kỹ thuật phòng tranh gồm: phù hợp mục tiêu bài học, vừa sức với học sinh, phát huy tính tích cực của người học và linh hoạt trong tổ chức. Đây là những điều kiện quan trọng để đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với đặc điểm tâm lý – nhận thức của học sinh tiểu học.

Quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật phòng tranh gồm bốn bước cơ bản: giao nhiệm vụ – tạo sản phẩm – tham quan báo cáo – thảo luận tổng kết. Quy trình này giúp học sinh phát triển kỹ năng quan sát, làm việc nhóm, giao tiếp, tư duy phản biện và năng lực tự học.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Kỹ thuật phòng tranh là một phương pháp dạy học tích cực, có khả năng thúc đẩy sự chủ động, sáng tạo và hợp tác của học sinh trong quá trình học tập. Khác với các phương pháp truyền thống thiên về giảng giải một chiều, kỹ thuật này khuyến khích học sinh khám phá kiến thức thông qua hoạt động nhóm, sản phẩm trực quan và sự tương tác lẫn nhau. Đây là cách tiếp cận phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học – lứa tuổi yêu thích học tập qua hình ảnh, hoạt động và trải nghiệm.

Từ việc khảo sát thực tế, có thể thấy phần lớn giáo viên đã nhận thức được hiệu quả của kỹ thuật phòng tranh trong việc tăng cường sự tham gia của học sinh và nâng cao chất lượng dạy học. Tuy nhiên, việc triển khai vẫn gặp một số khó khăn như thiếu tài liệu hướng dẫn chi tiết, hạn chế về cơ sở vật chất và không gian lớp học. Dù vậy, nhiều giáo viên đã có những cách làm sáng tạo để khắc phục, như tận dụng vật liệu đơn giản, không gian ngoài trời hoặc tổ chức “phòng tranh tại chỗ”.

Kết quả áp dụng cho thấy học sinh lớp 3 rất hào hứng với kỹ thuật này. Các em không chỉ chủ động học tập mà còn phát triển các kỹ năng quan trọng như quan sát, phân tích, giao tiếp và làm việc nhóm. Sự tham gia tích cực của học sinh trong các hoạt động phòng tranh đã tạo nên một môi trường học tập sinh động, cởi mở và hợp tác.

Kỹ thuật phòng tranh không chỉ có hiệu quả trong môn Tự nhiên và Xã hội mà còn có thể áp dụng linh hoạt trong nhiều môn học khác. Tuy nhiên, để phát huy tối đa tác dụng, giáo viên cần được tập huấn bài bản, có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và nhận được sự hỗ trợ về tài liệu cũng như cơ sở vật chất. Bên cạnh đó, việc tổ chức các hoạt động cần có sự linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của lớp học, tránh hình thức máy móc và đảm bảo học sinh đều được tham gia tích cực.

2. KIẾN NGHỊ

Dựa trên kết quả nghiên cứu và thực tiễn triển khai kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng phương pháp này.

Trước hết, các nhà trường cần quan tâm đầu tư cải thiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy học theo kỹ thuật phòng tranh. Việc trang bị đầy đủ tranh ảnh, giấy khổ lớn, bảng phụ và dụng cụ hỗ trợ sẽ giúp học sinh dễ dàng thể hiện ý tưởng và tham gia tích cực vào các hoạt động nhóm. Đồng thời, lớp học cần được bố trí linh hoạt, có không gian để trưng bày sản phẩm và tổ chức các “phòng tranh” hiệu quả. Bên cạnh đó, nhà trường cần tạo điều kiện về thời gian, tài liệu và hỗ trợ chuyên môn để giáo viên chuẩn bị bài giảng, chia sẻ kinh nghiệm và tổ chức hoạt động một cách bài bản.

Về phía giáo viên, cần được bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên thông qua các buổi tập huấn, hội thảo chuyên đề hoặc sinh hoạt tổ chuyên môn. Giáo viên cũng cần chủ động tìm hiểu, cập nhật phương pháp dạy học tích cực, linh hoạt kết hợp kỹ thuật phòng tranh với các hình thức như học theo dự án, hoạt động trải nghiệm... nhằm tăng cường hiệu quả dạy học. Ngoài ra, việc xây dựng hoạt động học tập phù hợp với trình độ học sinh, sáng tạo trong tổ chức và đánh giá sản phẩm cũng là yếu tố quan trọng để kỹ thuật phòng tranh phát huy hiệu quả thực sự.

Về phía học sinh, cần được giáo dục ý thức tích cực tham gia các hoạt động học tập nhóm, phát triển kỹ năng làm việc nhóm, quan sát, thảo luận và trình bày ý kiến. Học sinh nên được khuyến khích thể hiện sự sáng tạo, độc lập trong học tập, đồng thời biết tôn trọng và hợp tác với bạn bè trong quá trình thực hiện sản phẩm chung.

Phụ huynh đóng vai trò hỗ trợ đắc lực trong việc tạo môi trường học tập tích cực tại nhà, động viên con tham gia các hoạt động học tập theo nhóm, cung cấp tài liệu học tập và rèn luyện kỹ năng cho con ngoài giờ lên lớp. Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường là yếu tố quan trọng để duy trì động lực và niềm hứng thú học tập cho học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiếng Việt

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, ngày 4/11/2013.

[3] Quốc hội (2014). Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, ngày 28/11/2014.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). Sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội lớp 3, bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”, NXB Giáo dục Việt Nam.

[5] Thủ tướng Chính phủ (2015). Quyết định số 404/QĐ-TTg về việc phê duyệt chủ trương đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông, ngày 27/3/2015.

[6] Thủ tướng Chính phủ (2018). Chỉ thị số 16/CT-TTg về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ngày 18/6/2018.

[7] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2021). Kết luận số 19-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 14/10/2021.

[8] Thủ tướng Chính phủ (2022). Chiến lược phát triển giáo dục 2021–2030, tầm nhìn 2045, ban hành kèm Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022.

[9] Chính phủ (2023). Nghị quyết số 165/NQ-CP về đổi mới giáo dục và đào tạo, ngày 20/12/2023.

[10] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình môn học Tự nhiên và Xã hội. Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.

[11] Đỗ Thị Lan (2022) Kết hợp kỹ thuật phòng tranh với công nghệ trong giảng dạy, Tạp chí Giáo dục, số 427, tr.15-18.

[12] Trần Thị Minh Tâm (2021) Vận dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[13] Trần Thị Thu Hà (2021) Sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong giảng dạy môn Lịch sử, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

[14] Nguyễn Văn Nam (2021) Kỹ thuật phòng tranh – một công cụ phát huy tư duy sáng tạo cho học sinh tiểu học, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, (221), tr. 34–36.

[15] Lê Thị Huyền (2020) Sử dụng kỹ thuật phòng tranh nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 4 môn Khoa học, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Vinh.

[16] Nguyễn Thị Thanh Mai (2019) Sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong môn Toán lớp 2, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

[17] Nguyễn Thị Hương (2018) Ứng dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học tích cực cho học sinh tiểu học, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh.

[18] Nguyễn Hữu Long (2018) Kỹ thuật phòng tranh trong dạy học tích cực ở tiểu học, NXB Giáo dục Việt Nam.

[19] Nguyễn Hữu Long (2018) Một số kỹ thuật dạy học tích cực, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[20] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) Chương trình giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội. Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

[21] Trần Bá Hoàn (2006) Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, Tạp chí Giáo dục, số 134, tr.25-28.

[22] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020) Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học - Mô đun 4: Đổi mới phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học tích cực, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[23] Nguyễn Ánh Tuyết (2020) Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

[24] Nguyễn Thị Kim Anh (2021) Tâm lý học phát triển trẻ em, NXB Giáo dục Việt Nam.

[25] Lê Thị Lan Anh (2022) Tâm lý học giáo dục. Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[26] Phạm Minh Hạc (chủ biên) (2018) Giáo dục học đại cương, NXB Đại học Sư phạm.

[27] Hồ Ngọc Đại (2016) Tâm lý học nhận thức, NXB Đại học Sư phạm.

[28] Trần Thị Bích Liên (2021) Phát triển trí tưởng tượng và sáng tạo cho học sinh tiểu học, Tạp chí Tâm lý học.

[29] Đặng Thị Hạnh (2019) Giáo dục sự tập trung cho trẻ em tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm, Tạp chí Giáo dục và Xã hội.

[30] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014) Tài liệu BDTX Giáo viên Tiểu học – Mô đun 4, NXB Giáo dục Việt Nam.

[31] Trần Bá Hoành (2010) Phương pháp dạy học tích cực – Lý luận và thực tiễn, NXB ĐH Sư Phạm.

[32] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021) Tài liệu tập huấn giáo viên tiểu học theo chương trình GDPT 2018 – Lớp 3 , NXB Giáo dục Việt Nam.

2/ Tiếng Anh

[33] Dewey, J. (2020). *Democracy and Education*. New York: Free Press.

[34] Schwartz, D. L., & Bransford, J. D. (2018). The Construction of Knowledge. *Educational Psychologist*, 53(2), 105–117.

[35] McGregor, D. (2015). *Developing Thinking; Developing Learning*. UK: Open University Press.

[36] Beck, C. (2011). Using the Gallery Walk Strategy to Engage Secondary Students in Social Studies. *The Social Studies Journal*, 102(2), 84–87

[37] Kagan, S. (2009). *Kagan Cooperative Learning*. San Clemente, CA: Kagan Publishing.

[38] Chabeli, M. M. (2006). Strategies to Overcome Obstacles in the Facilitation of Critical Thinking in Nursing Education. *Health SA Gesondheid*, 11(4), 70–83.

[39] Francek, M. (2006). Promoting Discussion in the Science Classroom Using Gallery Walks. *Journal of College Science Teaching*, 36(1), 27–31.

[40] Brookfield, S. D., & Preskill, S. (2005). *Discussion as a Way of Teaching: Tools and Techniques for Democratic Classrooms*. San Francisco: Jossey-Bass.

[41] Silberman, M. (1996). *Active Learning: 101 Strategies to Teach Any Subject*. Boston: Allyn and Bacon.

[42] Johnson, D. W., & Johnson, R. T. (1996). Cooperation and the Use of Technology. In D. H. Jonassen (Ed.), *Handbook of Research for Educational Communications and Technology* (pp. 785–812). New York: Macmillan.

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
PHIẾU ĐIỀU TRA
(*Dành cho Giáo viên*)

Kính gửi các Quý Thầy (cô)!

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn Tự nhiên và Xã hội 3.

Kính mong Quý Thầy (cô) vui lòng dành ít thời gian để cung cấp các thông tin dưới đây.

I. Thông tin chung

- Họ và tên:
- Năm sinh:
- Giáo viên trường:
- Huyện/Thành phố:
- Số năm công tác:.....

II. Nội dung phỏng vấn

Câu 1: Thầy/Cô đã từng nghe hoặc biết đến kỹ thuật phòng tranh trong dạy học chưa?

- ☐ Nghe và hiểu rõ ☐ Nghe và chưa hiểu rõ ☐ Chưa nghe

Câu 2: Theo Thầy/Cô, kỹ thuật phòng tranh là gì?

- ☐ Học sinh trưng bày sản phẩm học tập và tham quan để thảo luận, phản hồi
- ☐ Giáo viên trưng bày tranh và giảng giải
- ☐ Học sinh cùng vẽ tranh trang trí lớp học

Câu 3: Mức độ hiểu biết của Thầy/Cô về quy trình tổ chức dạy học theo kỹ thuật phòng tranh:

- ☐ Rất rõ ☐ Tương đối rõ ☐ Biết sơ qua ☐ Chưa biết

Câu 4: Theo Thầy/Cô, kỹ thuật phòng tranh giúp học sinh phát triển phẩm chất, năng lực nào?

- ☐ Giao tiếp và hợp tác

- ☐ Tự chủ và tự học
- ☐ Giải quyết vấn đề và sáng tạo
- ☐ Tìm hiểu tự nhiên – xã hội
- ☐ Chăm chỉ
- ☐ Yêu thương, trách nhiệm
- ☐ Khác:

Câu 5: Thầy/Cô đã từng sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong môn Tự nhiên và Xã hội chưa?

- ☐ Thường xuyên
- ☐ thỉnh thoảng
- ☐ Hiếm khi
- ☐ Chưa bao giờ

Câu 6: Thầy/Cô thường sử dụng kỹ thuật phòng tranh vào hoạt động nào của tiến trình dạy học?

- ☐ Khởi động
- ☐ Hình thành kiến thức (khám phá)
- ☐ Luyện tập
- ☐ Vận dụng
- ☐ Khác:

Câu 7: Theo thầy (cô) các chủ đề trong chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 3 phù hợp với kỹ thuật phòng tranh?

- ☐ Gia đình
- ☐ Trường học
- ☐ Cộng đồng địa phương
- ☐ Con người và sức khỏe

☐ Thực vật và động vật

☐ Trái Đất và bầu trời

Câu 8: Thầy/Cô gặp phải những khó khăn nào khi sử dụng kỹ thuật phòng tranh trong dạy học?

☐ Khó kiểm soát lớp học

☐ Mất nhiều thời gian

☐ Học sinh thiếu kỹ năng hợp tác

☐ Thiếu đồ dùng dạy học

☐ Không gian lớp học hạn chế

☐ Chưa được hướng dẫn cụ thể

☐ Khác:

PHỤ LỤC 2
PHIẾU ĐIỀU TRA
(Dành cho Học sinh)

I. Thông tin chung

Họ và tên học sinh:

Lớp:

Trường:

II. Nội dung khảo sát

Em hãy đánh dấu ✓ vào ô phù hợp với cảm nhận của mình nhé.

Stt	Câu hỏi khảo sát	Rất thích	Thích	Bình thường	Không thích
1	Em cảm thấy vui và hào hứng khi học bằng các hoạt động thảo luận nhóm, vẽ tranh, vẽ sơ đồ tư duy, làm phiếu học tập ...				
2	Em thích tham gia thảo luận, làm việc nhóm, trình bày ý kiến của mình				
3	Em thấy bài học dễ hiểu và thú vị hơn khi cô giáo cho làm việc nhóm				
4	Em muốn học theo cách này (thảo luận nhóm, vẽ sơ đồ tư duy, làm phiếu học tập ...) nhiều hơn trong các tiết học khác				

5	Em cảm thấy mình học được nhiều điều mới và vui hơn khi học theo nhóm				
---	---	--	--	--	--